

TỦ SÁCH THĂNG TIẾN GIÁO DÂN

GIÁO DÂN HỢP TUYỂN

**SỐ 3 THÁNG 7/2012 VỚI CHỦ ĐỀ
GIÁO DÂN VIỆT NAM SỐNG ĐẠO
XƯA VÀ NAY**

**GIÊRÔNIMÔ NGUYỄN VĂN NỘI
VÀ NHÓM BẠN THỰC HIỆN**

LỜI NGỎ

1. Sau khi phát hành GIÁO DÂN HỢP TUYỂN (GDHT) số 1 ở Sài-gòn, chúng tôi liền gửi ngay bản gốc ra Huế cho linh mục Gioakim Lê Thanh Hoàng, Trưởng Ban Mục Vụ Giáo Dân của Tổng Giáo Phận Huế, để ngài tùy nghi sử dụng cho lợi ích của anh chị em giáo dân Huế. Sau khi phát hành GDHT số 2, chúng tôi cũng gửi ngay cho linh mục Gioakim Lê Thanh Hoàng cũng với tinh thần chia sẻ và mục đích phục vụ như lần trước. Cha Gioakim Lê Thanh Hoàng là một trong số các linh mục hết sức tích cực lo cho công cuộc thăng tiến giáo dân tại Huế. Ngài đã tổ chức các Đợt Huấn Luyện Giáo Dân Nòng Cốt và các Khóa Thánh Kinh và Huấn Luyện Lãnh Đạo Muối Đất (Scripture and Leadership Training, SALT) cho giáo dân Huế.

2. Ngoài linh mục Gioakim Lê Thanh Hoàng, chúng tôi cũng đã gửi GDHT số 1&2 cho linh mục Gioakim (Khẩu) Nguyễn Văn Hinh, phụ trách các Hội Đồng Mục Vụ Giáo Xứ Giáo phận Long Xuyên. Cha Gioakim (Khẩu) Nguyễn Văn Hinh cũng là một trong số các linh mục hết lòng chăm lo cho đội ngũ Giáo Dân Nòng Cốt. Ngài đã mở Trung Tâm Mục Vụ Mong Thọ tại chính Giáo Xứ của ngài và đã tổ chức nhiều đợt thường huấn cho các thành viên Hội Đồng Mục Vụ Giáo Xứ Giáo phận Long Xuyên. Cũng như linh mục Gioakim Lê Thanh Hoàng, linh mục Gioakim (Khẩu) Nguyễn Văn Hinh hoan nghênh và cổ vũ nỗ lực của Nhóm Anh Em chúng tôi. Ngài còn đề nghị là sẽ đưa tất cả

các số GDHT (đã và sẽ ra) lên website có tên là Mục Vụ Giáo Dân mà ngài đang nhờ chuyên viên thiết kế.

2. Nhưng người mà chúng tôi muốn gửi các số GDHT nhất là Đức Cha Giu-se Trần Xuân Tiếu, Giám Mục Long Xuyên, Chủ Tịch Ủy Ban Giáo Dân của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam. Và chúng tôi đã gửi cho ngài cả 2 bản văn GDHT 1 & 2 đã dàn trang qua email.

Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tìm cách liên lạc với các linh mục, Trưởng Ban Mục Vụ Giáo Dân một số giáo phận để giới thiệu và chia sẻ việc làm của chúng tôi.

3. GIÁO DÂN HỢP TUYỂN số 3 sẽ đến tay mọi người vào giữa Hè 2012. Thời gian Hè là thời gian rảnh rỗi có điều kiện để suy nghĩ và học hỏi thêm. Thường nhiều giáo phận cũng tổ chức các Khóa Huấn Luyện Giáo Dân trong thời gian Hè. Chính vì thế mà chủ đề được chọn cho số này là GIÁO DÂN VIỆT NAM SỐNG ĐẠO XƯA VÀ NAY. Chúng tôi như được khích lệ khi nhận được lời phát biểu của Đức Tổng Giám Mục Leopoldo Girelli, Đại Diện không thường trú của Tòa Thánh tại Việt Nam, với các Giám Mục Việt Nam trong Hội Nghị Thường Niên lần thứ nhất, từ ngày 9 đến 13 tháng 4 năm 2012, tại Tòa Giám Mục Xuân Lộc. Vị Đại Diện Tòa Thánh nhấn nhủ Hàng Giáo Phẩm [cũng là nhấn nhủ Hàng Giáo Sĩ, Tu Sĩ và Giáo Dân] Việt Nam:

“Khởi đầu, trong bối cảnh phụng vụ của Giáo hội đầu tuần Bát nhật Phục sinh, Đức Tổng có đôi lời chia sẻ tâm tình về niềm tin phục sinh. Cũng như Chúa Giêsu đã sống lại và ra khỏi mộ, Hội Thánh Việt Nam cũng cần trỗi dậy, thoát khỏi những từ ngữ “chết” trong quyển Sách Thánh

để hạ sinh thành Lời rao giảng sống động trong cuộc sống; Hội Thánh Việt Nam không chỉ khép kín trong những mối quan tâm nội bộ, nhưng phải bước ra dân thân cho công cuộc Loan báo Tin Mừng cho lương dân; cụ thể tại Việt Nam còn hơn 90% anh chị em chưa nghe loan báo Tin Mừng; cuối cùng mỗi cá nhân mục tử cũng cần phải ra khỏi mộ tối để chiếu sáng sự thánh thiện của mình trong việc hi sinh tận tình chăm sóc đoàn chiên đã được giao phó cho mình.»

4. Lời phát biểu trên phù hợp với chủ đề của GDHT 3 là “Giáo dân Việt Nam sống Đạo xưa và nay” theo hướng là người giáo dân Việt Nam phải canh tân đời sống mới cách sống đạo cho phù hợp với thời đại ngày nay. Vì thế mà trong số này chẳng những sẽ có những nhận định lượng giá về cách người giáo dân Việt Nam sống đạo xưa và nay, mà còn có những gợi ý về một số khía cạnh khác nhau của đời sống đức tin của người giáo dân Việt Nam cần canh tân. Từ những nhận định, lượng giá và gợi ý được nêu, mỗi bạn đọc sẽ tự rút ra những gì tốt đẹp nhất cho cá nhân và cho cộng đoàn đức tin của mình.

GDHT số 3 gồm có 10 bài như sau:

- (1) “Canh tân đời sống đức tin» của Linh mục Gioakim Lê Thanh Hoàng.
- (2) “Cảm nghiệm về Chúa» của Giám mục G.B. Bùi Tuần.
- (3) “Một linh đạo cho giáo dân» của ông Vicentê Vũ Văn An.
- (4) “Truyền thống: mối liên kết xưa và nay” của ông Giuse Nguyễn Thế Bài.
- (5) “Lòng Đạo Đức Bình Dân vừa là cách sống Đạo vừa là cách truyền giáo” của ông Giêrônimô Nguyễn Văn Nội.

- (6) “Bạn là người công giáo loại nào” của linh mục Anthony Đào Quang Chính OP.
- (7) “Thư con gửi cha về việc phát triển tủ sách giáo xứ” của luật sư Giuse Lê Quốc Quân.
- (8) “Văn Hóa Nghe và Văn Hóa Đọc” của ông Giêrônimô Nguyễn Văn Nội.
- (9) “Hưởng ứng bài “Văn Hóa Nghe và Văn Hóa Đọc” của ông Giêrônimô Nguyễn Văn Nội, bài của ông Phaolô Nguyễn Nhân Hòa.
- (10) “Sống đạo hôm nay: Chúa muốn chúng ta nên thánh” của ông Bùi Hữu Thư.

5. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các tác giả có bài trong GDHT số 3/2012 này. Vì việc làm không hề có tính thương mại, chúng tôi tin chắc rằng các tác giả ủng hộ chúng tôi trong việc tạo điều kiện cho nhiều anh chị em Giáo Dân có cơ hội tiếp cận các bài viết giá trị của các ngài.

Chúng tôi rất mong được nhiều Giám Mục, Linh Mục, Tu Sĩ và Giáo Dân tham gia góp bài và góp ý cho các số tới, nhất là các anh chị em giáo dân, theo đề nghị của một người anh em vừa viết cho chúng tôi sau khi nhận được GDHT số 1&2, mà trong số này chúng tôi đã nỗ lực đáp ứng:

«Thật ấm lòng khi được nhìn và đọc một công trình do Giáo Dân và Vì Giáo Dân, như là "tờ" GIÁO DÂN HỢP TUYỂN. Em sẽ cố gắng đóng góp vào tờ GDHT theo khả năng hạn chế của em. Nếu được góp ý, em ước mong tiếng nói (bài viết) của giáo dân sẽ chiếm "ưu thế", trước là về số lượng, sau sẽ là chất lượng, trong mỗi tập hợp tuyển, NHƯ THẾ MỚI THÀNH GDHT VÀ CÓ TIẾNG NÓI

ĐÁNG ĐƯỢC QUAN TÂM HƠN trong Giáo Hội Việt Nam.»

Nguyện xin Thiên Chúa Ba Ngôi chúc lành cho công việc nhỏ bé của chúng con. Chúng con xin dâng lên Chúa Ba Ngôi tập tài liệu này làm món quà mọn.

Sài-gòn, Hè 2012.

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội và Nhóm Bạn

CANH TÂN ĐỜI SỐNG ĐỨC TIN

Năm thánh Giáo Hội tại Việt Nam đã bế mạc đã bế mạc một cách tốt đẹp ngày 06/01/2011. Kết thúc, nhưng cũng là khởi đầu cho công cuộc canh tân Giáo Hội bằng quyết tâm thực hiện những gì đã được suy tư, nghiền ngẫm, thảo luận, đúc kết, đặc biệt qua Đại Hội Dân Chúa tại Sài Gòn từ 21-26/11/2010. Thư Chung Hậu Đại Hội Dân Chúa của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam nhận định hoàn cảnh kinh tế xã hội văn hóa, sự phát triển nói chung hiện nay đã tác động sâu rộng trên đời sống đức tin và luân lý. Đây là một thách đố lớn cho đời sống và sứ vụ của Giáo Hội. *“Nhưng chính thách đố này lại trở thành cơ hội thuận lợi thúc đẩy Giáo Hội canh tân, tự vấn lương tâm trong tư cách cộng đồng cũng như trong tư cách cá nhân, xem chúng ta có thể sống đức tin thế nào cho tốt hơn và thi hành hiệu quả hơn sứ mệnh chúng ta đã lãnh nhận từ Chúa Giêsu”*¹. Giáo dục đức tin phải là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, là tinh hoa và cùng đích của hết thảy nỗ lực giáo dục gia đình, học đường và xứ đạo.

Nhằm thúc đẩy hành động, Đức Hồng Y Ivan Dias, đặc sứ của Đức Thánh Cha Bênêđitô XVI, trong dịp lễ bế mạc Năm Thánh tại Lavang đã có lời mời gọi Giáo Hội tại Việt Nam vạch ra những hướng đi mục vụ và truyền giáo cụ thể trong những năm sắp đến.

¹ Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Thư Chung Hậu Đại Hội Dân Chúa 2010*, số 9

Năm sắp đến, như một sự quan phòng của Chúa, Đức Thánh Cha Bênêđiô XVI lại quyết định mở năm đức tin cho toàn thể Giáo Hội, với mong muốn Giáo Hội canh tân đời sống đức tin để tái truyền giáo và truyền giáo.

1. Đức tin truyền thống (foi de tradition)

Hội Đồng Giám Mục Việt Nam qua Thư Chung Hậu Đại Hội Dân Chúa đã bộc lộ trần trở “*Sống đức tin thế nào cho tốt hơn và thi hành hiệu quả hơn sứ mệnh*” truyền giáo. Sống đức tin là thể hiện lòng tin của mình ra bên ngoài bằng một cung cách sống, xuất phát từ một sự hiểu biết đạo lý, xác tín, dẫn đến hành động. Cung cách sống đạo là hiệu quả của việc giáo dục đức tin và việc thực hành đạo.

1.1 Giáo dục đức tin : học giáo lý

Công cuộc đào tạo và giáo dục đức tin nơi người tín hữu Việt Nam được thể hiện qua việc dạy và học giáo lý, tham dự phụng vụ và đời sống cầu nguyện. Dạy và học giáo lý thường được bắt đầu rất sớm từ trong gia đình. Đứa trẻ ngay khi ngồi trên gối mẹ đã tập tành chấp tay lạy Chúa, cúi đầu lạy Mẹ, ngờ nghếch làm dấu thánh giá trước tượng ảnh thánh. Lên tuổi đến trường, em vào các lớp khai tâm. Giáo xứ nào, bên cạnh tháp chuông cũng có phòng học giáo lý. Đứa trẻ cùng các bạn ê a suốt mấy năm mới đến tuổi khôn, chuẩn bị vỡ lòng, xưng tội và rước lễ lần đầu. Vốn liếng giáo lý có khi không đầy hai bàn tay nhưng nơi em đã bắt đầu chớm nở một cung cách sống đức tin. Vào nhà thờ, em giữ tinh lặng trong giờ phụng vụ, rước lễ một cách cung kính, sau rước lễ đã biết tâm sự với Chúa Giêsu: “*Giêsu ơi ở cùng con luôn mãi, Chúa lia con, con biết đâu nương nhờ*”. Chẳng bao lâu nghe Cha sở gọi tên đi học

Thêm sức ở tuổi 10 - 12. Dịp này cầm được cuốn sách “kinh nghĩa” địa phận Huế (sách bôn), em rất hãnh diện. Học chưa thuộc 10 phần, 8 giải, thì bìa sách đã rách nát ! Sau Thêm sức 2 hay 3 năm, qua lớp Bao đồng, em thuộc thêm được 3 nghĩa, 12 điều và, ở vài giáo xứ, cả các Kinh cầu (trừ Kinh cầu Hải Đồng, vì quá dài). Chương trình Giáo lý Bao đồng ôn tập toàn bộ giáo lý gồm các phần “giữ tin xin chịu”. “Giữ” 10 điều răn Đức Chúa Trời và 6 điều răn Hội Thánh. “Tin” các tín điều trong kinh Tin kính. “Xin” trên nền tảng là kinh Lạy Cha và việc cầu nguyện riêng. “Chịu” là nhận lãnh các bí tích và ơn Chúa.

1.2 Tập thực hành

Tháng tư năm 2004, vào các ngày 20-22, Ủy Ban Giáo Mục Đặc Trách Giáo Dân thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam phối hợp với Tòa Tổng Giám Mục Huế đã tổ chức cuộc tọa đàm về “*Sống đạo theo cung cách Việt Nam - Chứng từ của người giáo dân*”. Cung cách sống đạo của người tín hữu Việt Nam được mô tả qua những nét thờ phượng, kinh kệ lễ bái, với những buổi cầu nguyện đậm nét màu sắc văn hóa dân tộc như các buổi đọc kinh, nguyện ngắm với cung điệu trầm bổng phù hợp với tâm tình dân tộc Việt, những cuộc rước kiệu mang tính lễ hội với muôn hình muôn vẻ. Tất cả tạo nên một tập tục, một nếp sống đạo.

Thế là gia đình, giáo xứ là cái nôi khai sinh đức tin, là môi trường giáo dục thực hành và là một khung thành bảo vệ cung cách sống đức tin. Cộng đồng chuyển tải gia sản đức tin từ thế hệ này đến thế hệ khác. Cá nhân thừa kế cách sống đức tin của tập thể. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II

gọi là “*đức tin thừa kế*” hay *đức tin truyền thống*², đức tin do ông bà tổ tiên truyền lại cho con cháu.

1.3 Đặc tính

Đức tin truyền thống nặng hình thức tập thể, thiếu xác tín cá vị. Đặc biệt nặng về phụng tự và luật lệ.

Nặng hình thức tập thể. Cơ chế tổ chức và việc giáo dục tôn giáo lâu đời đã hoàn hảo hóa một nếp sống đạo “*cha truyền con nối*”, cái cung cách thực hành cộng đồng, từ thế hệ cha ông. Tuy là những hành vi cá nhân, nhưng cùng làm chung trong một sinh hoạt tập thể. Một số nhận định của các nhà trí thức về cung cách sống đạo Việt Nam phản ảnh tình trạng đó. Trong bài tham luận dành cho tọa đàm nói trên, giáo sư tiến sĩ Đỗ Quang Hưng thuộc viện nghiên cứu tôn giáo đã trích dẫn bài viết của Tư Cù như sau: “*Trong cung cách sống đạo hiện nay, nếp sống của người Kitô hữu thường được quy định bằng những luật lệ, được diễn giải thành những hành vi cụ thể: làm dấu, đọc kinh, xưng tội, sinh hoạt mùa Vọng, mùa Chay, kiêng thịt, ăn chay,... Có lẽ nhiều “chức sắc” trong Giáo Hội vẫn đặt người Kitô hữu vào vị thế như những tín hữu thời trung cổ, nghĩa là những Kitô hữu ít học và cần những hướng dẫn tỉ mỉ, rõ ràng để giữ luật bằng cách chu toàn những việc cụ thể..*”. Thiếu xác tín cá vị, thiếu đời sống nội tâm. “*Người Kitô hữu cố gắng giữ luật để khỏi phạm tội chứ ít hiểu rằng giữ luật là một sự tin trung với Chúa*³

² Xem bài nói chuyện của Đức Gioan Phaolô II với Giới Trẻ Thế Giới tại Gerland ngày 6.10.1986.

³ Đỗ Quang Hưng, *Bài thuyết trình*, trong Tọa đàm tại Huế, ngày 20-22 tháng 4 năm 2004.

Nặng về phụng tự và luân lý nghĩa là mới “giữ” đạo, thể hiện đức tin qua những thực hành tập thể, cùng đọc kinh, cùng rước kiệu, cùng nguyện ngắm, chú trọng đến hình thức bề ngoài hơn là gặp gỡ Chúa trong tinh thần như bạn hữu, xuất phát từ một xác tín của cá nhân. Giáo sư Nguyễn Khắc Dương, một tân tông đầy nhiệt huyết đã nhận định : “*Hình như người công giáo Việt Nam chỉ mới có lòng sùng đạo (religieux, pieux), có thể là quảng đại, sẵn sàng hy sinh tài sản, thì giờ, sức lực, nhưng mới chỉ là giữ đạo chứ chưa thể hiện đạo, nghĩa là chỉ đặt nặng về phụng tự (culte) và luật lệ chứ ít thấy có một đời sống nội tâm thiêng liêng sâu sắc (vie intérieure, spirituelle)*⁴.”

Do đó, khi thoát ra khỏi sinh hoạt đạo đức tập thể quen thuộc, người tín hữu dễ dàng bị hụt hẫng. Tác giả Tư Cù ghi nhận: “*Trong một thời gian dài, người Kitô hữu Việt Nam thường tụ tập lại thành xóm đạo và đời sống có phần đóng kín trong những sinh hoạt của làng xóm mình... Mọi sinh hoạt đạo và đời thường được tổ chức một cách kỹ lưỡng và bao trùm hết đời sống. Đời sống Đức tin của mỗi người, do đó vẫn còn được tháp nhập vào sinh hoạt đạo đức trong giáo xứ và vẫn “chạy” trong quỹ đạo của những tổ chức tôn giáo*”⁵.

2. Đức tin xác tín cá vị (foi de conviction)

⁴ Nguyễn Khắc Dương, *Quia respexit humilitatem meam*, Thế Tâm, 1997, trang 176

⁵ Tư Cù, *Vài nhận định về đời sống Kitô giáo tại Việt Nam*, Thời sự thần học số 23, tháng 3. 2001

Đức tin xác tín cá vị là đức tin của mỗi cá nhân, xác tín về các điều mình tin, về sự hiện diện của Chúa trong đời mình. Đức tin ấy chi phối mọi tâm tư hành động của mình họ.

2.1 Chúa Giêsu giáo dục đức tin xác tín cá vị

Chúa Giêsu muốn huấn luyện cho mỗi môn đệ một đức tin xác tín riêng của mình, không phải là niềm tin tập thể quần chúng. Vì vậy, một hôm Thầy trò đang đi trên đường đến các làng xã vùng Xêdarê Philipphê, Chúa Giêsu hỏi : *“Người ta bảo Thầy là ai? Các ông đáp : Họ bảo Thầy là ông Gioan Tẩy Giả, có kẻ thì bảo là ông Êlia, kẻ khác lại cho là một ngôn sứ nào đó”*⁶. Người không dừng lại ở đây vì Người muốn huấn luyện riêng môn đệ, nên lại hỏi *“Còn anh em bảo Thầy là ai ? Ông Simon Phêrô trả lời : Thầy là Đấng Kitô”*⁷. Vị đại diện các tông đồ thấy rằng Đức Giêsu không thể được xếp vào bất cứ hạng người nào, cho dầu đó là vị đại tiên tri đi nữa. Người phải cao trọng hơn nhiều và vượt hẳn tầm các tiên tri. Bài giảng trên núi, những hành động biểu lộ quyền năng của Người, quyền tha tội, cách thức giảng dạy không dựa trên uy tín của bất cứ tiên tri nào, cách thức nói về truyền thống lề luật, tất cả biểu lộ Người còn cao hơn một tiên tri.

2.2 Đức tin chính xác

⁶ Mc 8, 27-28

⁷ Mc 8,29

Chúa Giêsu muốn huấn luyện cho họ một đức tin chính xác : Người là “*Con Thiên Chúa Chúa hằng sống*”⁸. Vì vậy, Người chia sẻ cuộc sống riêng tư của Người với Chúa Cha, rất thân tình. Thánh Luca ghi nhận như là một mâu thuẫn : “*Hôm ấy, Đức Giêsu cầu nguyện một mình. Các môn đệ cùng ở đó với Người*”⁹. “*Một mình*” mà lại có “*các môn đệ ở đó*”. Như vậy các môn đệ được hòa quyện vào trong cái riêng tư của người, cái dành cho một mình Người với Chúa Cha. Từ đó xuất phát những lời nói, hành động và tất cả uy tín của Người. Họ được thấy điều mà đám đông không thấy : Sự hiệp thông và hiệp nhất của Người với Chúa Cha. Người muốn kéo các môn đệ vào trong sự hiệp thông đó.

2.3 Điểm phân cấp môn đệ

Sau khi đã rao giảng tại miền Galilê, Chúa Giêsu quyết định đi lên Giêrusalem để chịu thương khó, hoàn tất công trình cứu chuộc. Đây là khúc quanh lịch sử đời của Người. Đây cũng là điểm phân cấp các môn đệ thành hai lớp : những người chỉ theo nghe giảng dạy không dần thân xa hơn, và những người quyết định đi theo Chúa đến cùng, sống chết với Người. Những người này mới là môn đệ thật, sống gắn bó với Người, mới có được quyết định “*lên Giêrusalem*” với Người.

Hai câu hỏi của Đức Giêsu về dư luận quần chúng và về sự xác tín cá vị của các tông đồ giả thiết một bên là sự hiểu

⁸ Mt 16,16

⁹ Lc 9,18

biết của dư luận quần chúng của tập thể vô danh. Sự hiểu biết này không nhất thiết là sai lạc. Nhưng còn nhiều khiếm khuyết. Một bên là sự hiểu biết sâu sắc của người môn đệ, cùng với sự xác tín của cá nhân, động lực thúc đẩy đi theo con đường của Đức Giêsu, thông hiệp với Người. Không có xác tín cá nhân và đầy đủ thì môn đệ sẽ sóng theo chiều gió, dễ bỏ cuộc, thậm chí phản bội. Chính vì thế, sau khi Phêrô trả lời Người “*Thầy là Con Thiên Chúa*”, Đức Kitô cho các môn đệ trung tín biết thêm “*Con Người phải chịu đau khổ nhiều, bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ, bị giết chết và sau ba ngày sẽ sống lại. Người nói rõ điều đó không úp mở*”¹⁰. Dầu con đường trước mắt đầy chông gai gập ghềnh đau khổ thậm chí chết chóc, Ngài vẫn kiên định đi lên, vì đó là ý Cha trên trời. Ngài muốn cho các môn đệ của Ngài ý thức rõ ràng con đường Ngài sẽ đi và Ngài muốn họ cùng đi với Ngài. Từng bước, Chúa Giêsu huấn luyện đức tin cho từng người môn đệ thâm tín. Đó là *đức tin xác tín cá vị*.

3. Canh tân đời sống đức tin

3.1 Rượu mới phải đựng trong bầu da mới

Thời mới với nhiều thay đổi cần một lối sống đức tin mới. Đã có một thời người giáo dân Việt Nam sống đạo với đức tin truyền thống và đã gặt hái được những hoa thơm trái ngọt. Nay thời buổi ấy không còn nữa. Môi trường văn hóa xã hội đã đổi thay. Thư Chung Hậu Đại Hội Dân Chúa 2010 đã ghi nhận những sự kiện mới : Tiến trình toàn cầu hóa, tiếp cận với những thông tin và thành

¹⁰ Mc 8, 31-32

quả đa dạng về khoa học kỹ thuật, kéo theo nhiều thay đổi trong xã hội. Chủ nghĩa tương đối và hưởng thụ, tình trạng giáo dục bất cập, những cách trình bày chân lý nữa vờ trên các phương tiện truyền thông, những chương trình giải trí thiếu lành mạnh, đã đưa nhiều bạn trẻ đến một nỗi hoang mang và lối sống thực dụng, làm bất cứ điều gì để hưởng lợi¹¹. Mặt khác, những hoạt động khác nhằm xóa dấu ấn của Thiên Chúa trong xã hội cũng như nơi lòng người ; thay vào đó cố gắng cho một sự tôn vinh con người đến tuyệt đối, con người không cần Thiên Chúa. Sống trong môi trường văn hóa xã hội như vậy làm sao người trẻ tránh được những ảnh hưởng tiêu cực khiến tin vào Thiên Chúa phai mờ nếu chưa phải mai một.

Mặt khác, “khung thành” gia đình và giáo xứ không còn để bảo vệ con cái mình hữu hiệu như ngày trước, vì con cái theo công ăn việc làm đã ra khỏi nhà, xa giáo xứ. Hằng ngày, không có đức tin xác tín cá vị, họ cảm thấy bơ vơ lạc lõng không nơi nương tựa, dễ buông xuôi, bỏ những thói quen “giữ” đạo, hết đi lễ ngày Chúa nhật..

3.2 Tiềm tàng một nguy cơ

Cung cách sống đức tin truyền thống ẩn chứa một nguy cơ lớn : Người tín hữu có thể bỏ Giáo Hội. Được hỏi về tình trạng sống đạo suy thoái của Giáo Hội tại Pháp, Đức Cha Gilbert Louis, Giám mục địa phận Chalons en Champagne đã chia sẻ : 80% người công giáo Pháp ngày nay không còn đến nhà thờ ngày Chúa nhật, vì nhiều lý do thuộc các lãnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa. Nhưng lý do sâu xa nhất

¹¹ Thư Chung Hậu Đại Hội Dân Chúa 2010, số 4 tt.

là đa số người Pháp giữ đạo theo “*đức tin truyền thống*” chứ ít người có đức tin xác tín cá vị. Bây giờ, dưới tác động mãnh liệt của những thay đổi sâu rộng trong nền văn hóa xã hội, họ đặt lại mọi vấn đề, kể cả đức tin. Hạt giống đức tin được gieo vãi vào lòng khi chịu phép rửa tội, được thể hiện trong sinh hoạt thờ phượng của cộng đồng, được bảo vệ trong “*khung thành*” gia đình và giáo xứ. Nay ra khỏi khung thành đó, cá nhân thường mất sức sống như cá lìa khỏi nước. Họ không bỏ Chúa, nhưng họ rời xa Giáo Hội.

3.3 Cần một bước chuyển

Môi trường gia đình và giáo xứ ban đầu vẫn cần thiết như vườn ương cho cây đức tin đâm chồi nảy lộc. Nhưng đức tin truyền thống này còn phải được triển nở biến thành đức tin xác tín. Đã hẳn có được một số kiến thức giáo lý là điều cần, thêm một lối thể hiện lòng tin trong cung cách thờ phượng của tập thể là điều có ích, nhưng đức tin ấy phải trở thành đức tin của cá nhân, một sự xác tín cá vị. Một đức tin xác tín và trưởng thành phải đủ khả năng thực hiện những chọn lựa cá nhân. Thuở nhỏ, cha mẹ tôi đã chọn Đức Kitô cho tôi. Nay trưởng thành và hiểu biết, chính tôi phải lãnh trách nhiệm về sự chọn lựa quan trọng làm nên ý nghĩa của đời sống đức tin của tôi. Tôi không thể bằng lòng với một di sản. Ngày nay tôi không thể tiếp tục sống đạo chỉ với niềm tin “*thừa kế*” !

Phải tìm gặp Đức Giêsu. Chính tôi bây giờ phải nói lên khát vọng sâu xa của bản thân như những người Hy Lạp xưa mong muốn được thấy Chúa Giêsu. Chính cá nhân tôi phải can đảm lên đường tìm gặp Đức Kitô và sống với Người.

Phải làm một bước chuyển. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã chia sẻ những bước đường trưởng thành tâm linh của bản thân Ngài như sau :” *Phần đông đã nhận lãnh đức tin từ thuở nhỏ qua Giáo Hội, nhưng sau đó đặt vấn đề, ngò vực về đức tin của mình, rồi vượt qua các ngò vực ấy. Cha rất cảm thông. Phần Cha, Cha đã sống tuổi thơ và thanh niên trong một bầu khí đức tin mà có thể nói Cha không bao giờ bị cắt đứt. Vấn đề căn bản của Cha không phải là ngò vực, mà là vấn đề bước chuyển, từ một đức tin được thừa kế, nặng tình cảm hơn lý trí, qua một đức tin ý thức và trưởng thành đầy đặn, sâu sắc về mặt lý trí, bằng một sự lựa chọn cá nhân. Trên nền tảng của niềm xác tín chủ yếu là Thiên Chúa, “Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống” theo công thức tuyên tín tuyệt vời của Thánh Phêrô. Và rồi Đức Giêsu đã giúp Cha hiểu biết Chúa Cha và sống với Chúa Thánh Thần*¹²

Phải sống liên kết với Chúa Giêsu bằng một mối liên hệ thâm tình. Ngày nay, Đức Kitô vẫn đang tiếp tục chất vấn từng người, từng thế hệ Kitô hữu : “*Đối với các con, các con nghĩ Thầy là ai?*”, bởi vì Người biết rõ rằng rất nhiều người tưởng mình có đức tin, mang danh là Kitô hữu, nhưng chưa hẳn là gặp gỡ Người. Dựa trên kinh nghiệm mục vụ, Đức Hồng Y Suenens quả quyết : “*Quá nhiều Kitô hữu được rửa tội và thêm sức lúc còn bé, nhưng lớn lên không chứng thực nguồn phong phú của bí tích nằm sẵn nơi mình. Sở dĩ có tình trạng này là vì họ chưa từng gặp gỡ thật sự Chúa Giêsu Kitô, chưa khám phá khôn*

¹² Đức Gioan Phaolô II, *Bài nói chuyện với Giới trẻ Thế Giới* tại Gerland ngày 6..10.1986

mặt, lời nói, những đòi hỏi của Ngài và chưa từng liên kết với Ngài bằng một mối liên lạc thâm tình¹³”.

Theo Đức Hồng Y, tin vào Đức Kitô thật sự là phải gắn bó với Đấng đã phục sinh cách trọn vẹn, để Người làm linh hoạt cuộc sống chúng ta và biến chúng ta trở thành tông đồ của Ngài giữa lòng thế giới. Đúng như chúng ta sống động của Thánh Phaolô, vị tông đồ Dân Ngoại. Sau lần gặp gỡ Đức Kitô Phục sinh trên đường Damas, con người Saolô kiêu căng và đầy thù hận đối với kitô hữu ấy đã được biến đổi hoàn toàn, từ tâm tư đến hành động, thành một thụ tạo mới mang tên Phaolô, sống một cuộc sống mới, trung kiên theo Đức Kitô và chu toàn một sứ mạng mới là đem Tin Mừng cứu độ cho chư dân.

Lời kết

Giáo Hội tại Việt Nam, ban đầu nhỏ bé như “hạt cải”, nhưng qua hơn bốn thế kỷ với những bước thăng trầm, đã lớn lên thành cây đại thụ. Sức sống ấy đang tiếp tục lan tỏa nhờ Giáo Hội luôn luôn tự hỏi “*sống đức tin thế nào cho tốt hơn và thi hành hiệu quả hơn sứ mạng chúng ta lãnh nhận từ Chúa Giêsu*”.¹⁴

Thời đã qua “sống đức tin theo cung cách Việt Nam” với đức tin truyền thống, đã đem lại thành quả tốt đẹp. Thời nay, để được tốt hơn, cần phải tăng cường đức tin xác tín nơi mỗi người, sống gắn bó với Chúa Giêsu với một đời sống nội tâm thật sâu sắc thâm tình.

¹³ Hồng y Suenens, “*Người Kitô Hữu Giáo Dân*”, tr.8

¹⁴ Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Thư Chung Hậu Đại Hội Dân Chúa 2010*, số 9

Giáo Hội tại Việt Nam chắc hẳn quyết tâm giáo dục đào tạo lại con cái mình “*để thi hành hiệu quả hơn sứ mệnh đã lãnh nhận từ Chúa Giêsu*”¹⁵.

Huế Lễ Thánh Tâm Chúa Giêsu 2012
Lm. Gioakim Lê Thanh Hoàng

[Tác giả gửi trực tiếp cho GDHT]

¹⁵ Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Thư Chung Hậu Đại Hội Dân Chúa 2010*, số 9

CẢM NGHIỆM VỀ CHÚA

NHỮNG TÔN GIÁO QUÁ NGHIÊNG VỀ LÝ TRÍ đang đổ vỡ thê thảm, đang khi những tín ngưỡng đưa con người đến những cảm nghiệm thiêng liêng lại trở nên hấp dẫn lạ lùng. Đó là nhận định của một số nhà quan sát tôn giáo và xã hội.

Nhận định trên đây phản ánh thực tế ở nhiều nơi. Nó không trở thành một tiêu chuẩn cho phép hạ giá lý trí, đề cao tình cảm. Nhưng nó là một dấu chỉ thời đại, gợi ý cho các nhà hoạt động tôn giáo suy nghĩ, để nếu cần, sẽ phải điều chỉnh lại cách sống đạo, dạy đạo và truyền đạo.

Những kinh nghiệm tốt về Chúa

Thời nay, theo đánh giá của quần chúng, một tôn giáo tốt là một tôn giáo chuyển hóa được con người, tất nhiên về đàng lành. Trên thực tế, tại địa phương ta, hầu như ít có ai được chuyển hóa chỉ do sức mạnh của những lý lẽ đơn thuần. Kinh nghiệm cho thấy, có những bài giảng hùng hồn cao sâu, có những lớp giáo lý sôi nổi, lý luận sâu sắc, nhưng đã không đem lại được chút cảm nghiệm nội tâm nào cho ai, vì thế chẳng người nào đã chuyển biến. Đang khi đó, một bầu khí chan hòa bác ái, một gương phục vụ quên mình, lại đánh động được những cõi lòng. Nhờ những cảm nghiệm nội tâm khác thường, họ như gặp được

một Ai đó thiêng liêng, rất xa mà lại rất gần. Và họ đã chuyển hóa.

Nói cho đúng, những chuyện như thế chẳng có gì mới lạ. Từ xưa vốn thế thôi. Trong Kinh Thánh và chuyện các thánh đã có những người kể lại những gì mình đã cảm nghiệm về Chúa, chứ không phải những nhà nghiên cứu về đạo Chúa.

Người ngoài, khi thấy họ, nghe họ, sẽ dễ coi họ là những người hiểu biết Chúa. Không phải vì họ có những kiến thức sâu sắc về Chúa, nhưng vì cách họ nói, cách họ sống tỏa ra một mùi vị thiêng liêng, hồn nhiên, tươi mát, phát ta tự đáy lòng, như thể họ có một cảm nghiệm nào đó về Thiên Chúa vô hình.

Trong những cảm nghiệm khác nhau về Chúa, hiện nay có một cảm nghiệm được nói tới nhiều, đó là ***cảm nghiệm về Đức Ki-tô đang gần gũi chúng ta như một tình yêu phục vụ tận tâm khiêm tốn và thông minh.***

Chúng ta thử dừng lại cảm nghiệm này, với ý muốn học hỏi. Từ đó hy vọng sẽ hiểu được những cảm nghiệm khác. Cảm nghiệm ấy từ đâu tới và như thế nào?

Nhìn sâu vào cảm nghiệm tốt về Chúa

Cảm nghiệm này khởi xuất từ những nhận thức. Có những người nhận thức sâu sắc về sự Chúa hiện diện trong lịch sử, khắp nơi, trong mọi cái tốt, cái đẹp, cái đúng, cái hay dù cũ dù mới. Với xác tín như vậy, họ dễ nhận ra hình ảnh Đức Kitô sống động trong các người xung quanh họ.

Họ nhìn thấy hình ảnh **Đức Kitô quỳ rửa chân cho các môn đệ** qua những người hôm nay tại đây, đang chăm sóc bệnh nhân, các kẻ cô đơn cùng cực, các người mà họ phục vụ vì bổn phận và vì tự nguyện. Chính họ cảm thấy như mang trong mình nỗi khổ đau của người khác. Họ xót xa với niềm xót xa không phải chỉ là riêng tư, mà cũng đến từ một Đấng trên cao là Cha nhân lành giàu lòng thương xót.

Họ nhìn thấy hình ảnh **Đức Kitô sống mẫu nhiệm nhập thể**, qua những người truyền giáo hôm nay tại đây, daag mặc vào mình trọn vẹn thân phận con người địa phương, mà mình được sai đến, ngoại trừ tội lỗi, để đồng hành. để chia sẻ, để phục vụ. Chính họ cảm thấy thao thức trào lên trong lòng họ trước cảnh bao chiền lạc. Thao thức này không chỉ đến từ trách nhiệm, mà cũng đến từ một Chúa chiền lành, dám bỏ 99 con chiền lại, để đi tìm một con chiền lạc (cf Lc 15,4).

Họ nhìn thấy hình ảnh **Đức Kitô hòa mình vào cuộc sống dân thường**, qua những tông đồ hôm nay tại đây, chấp nhận mình là men, là muối âm thầm phục vụ giữa phố phường, thôn xóm. Chính họ cảm thấy niềm trân trọng dâng cao trong lòng họ trước gương bao người tốt chung quanh đang phục vụ đồng bào với những việc nhỏ cho những người bé mọn. Niềm trân trọng này không chỉ đến từ một lương tri, mà cũng đến từ một Đấng đã quả quyết ai làm việc tốt, dù bé nhỏ nhất, cho một người, dù bé mọn nhất, sẽ được kể là làm cho chính Chúa (x. Mt 25,35).

Họ nhìn thấy hình ảnh **Đức Kitô đang đến để nhân loại được sự sống và được sống dồi dào**, qua những người hôm nay tại đây và trên thế giới đang thăng tiến con người bằng những khám phá khoa học, sáng tạo nghệ thuật, nâng cao văn hóa và kinh tế. Chính họ cảm thấy ray rứt khôn nguôi trước cảnh bao đồng bào mình, bao người trên thế giới còn đang bị đẩy đọa trong cảnh túng nghèo, bất công. Ray rứt ấy không chỉ đến từ tình liên đới, mà cũng đến từ cõi lòng Đấng xưa đã nói: **“Ta thương xót dân này”** (x. Mt 15,32).

Họ nhìn thấy hình ảnh **Đức Kitô đang tự hiến tế mình**, qua những người đang nhẫn nhục tha thứ, quảng đại trong cuộc sống gia đình, xã hội. Chính họ cảm thấy niềm vui sâu thẳm trước cảnh bao người hôm nay, tại đây đang rất tế nhị và bao dung trong cách ứng xử đối với nhau. Niềm vui ấy không chỉ đến từ một trái tim tình người, mà cũng đến từ một Đấng đã nói: **“Cây sậy đã giập, Người không vỡ bể gãy. Ngọn đèn sắp tàn, Người không vỡ tắt”** (x. Mt 12,19).

Nhất là họ nhìn thấy **Đức Kitô đang thường xuyên cứu độ họ**, qua Hội Thánh, qua gia đình, xã hội với biết bao ơn lành. Người thương họ hơn họ đáng được thương. Chính họ cảm thấy tự xấu hổ trước bao ơn lành đã nhận lãnh mà không đến đáp. Sự xấu hổ ấy từ một lương tâm, mà cũng đến từ Thần Linh của Đức Kitô, giúp họ nhìn ra sự thật gần gũi nhất, đó là cái tội nhầy nhụa của họ.

Những cái nhìn như thế dẫn tới sự gặp gỡ Đức Kitô với những tâm tình cảm tạ, và gặp gỡ đưa tới cộng tác bằng

việc làm bác ái. Họ sẽ làm những việc bác ái như Người, với Người. Bác ái có kế hoạch, có ưu tiên, có phân định.

Những chiều kích của cảm nghiệm tốt Chúa

Còn nhiều cảm nghiệm khác về Chúa.

Tất cả đều mang đặc tính chung này: con người cảm nghiệm không những tiếp thu Lời Chúa mà còn cảm thụ hồn của Lời Chúa, cảm nghiệm được tâm tình của Đức Kitô trong chính Lời Người.

Người cảm nghiệm về Chúa không những đọc Lời Chúa trong Kinh Thánh, mà cũng đọc Lời Chúa trong thời sự và lịch sử, nhất là trong cuộc đời mình. Họ hiệp thông với Chúa và cũng hiệp thông với nhân loại. Họ mở lòng mình ra về phía Chúa và cũng cởi mở về phía con người.

Như vừa thấy, trong những cảm nghiệm trên đây, trái tim và lý trí cùng phối hợp với nhau. Trái tim rất bén nhạy, và lý trí giúp trái tim ứng xử sao cho sáng suốt. Lý trí rất thông minh, và trái tim giúp lý trí suy nghĩ sao cho có tình có nghĩa.

Những cảm nghiệm như trên về Chúa đánh thức trong ta một tiềm năng quan trọng, đó là nhìn thấy hình ảnh Thiên Chúa trong mọi người. *Con người là hình ảnh Thiên Chúa.* Không những ta tin như thế mà ta cũng thấy như thế. Do đó ta nhận ra mọi người đều có một cái gì là thánh, cũng như trong lịch sử mọi người đều có một cái gì như lịch sử thánh. Biết nhìn mọi người một cách cởi mở như vậy, ta sẽ

gặp được Đức Kitô đang ở giữa nhân loại hôm nay như một tình yêu phục vụ tận tâm, khiêm nhường và thông minh. Lòng ta thanh thản, yêu thương chan hòa, tin tưởng dần thân bên cạnh Người. Những cảm nghiệm như trên, tuy không tuyệt đối cần thiết, nhưng rất hữu ích, nhất là trong thời đại này, con người cảm thấy mệt mỏi với những lý thuyết khô cứng, những nếp sống máy móc, những tiêu chuẩn lạnh lùng, và vì thế họ đi tìm những gì linh thiêng, và huyền nhiệm.

Cản trở lớn nhất để có những cảm nghiệm tốt về Chúa, chính là *cái tôi vụ lợi, tự mãn* với những hàng rào an toàn, ích kỷ, với những bức tường thành kiến khinh miệt, ghen ghét, với những cố vấn là các dục vọng. Dù xã hội có đổi thay, dù tôn giáo có đổi mới, nếu mọi người vẫn khư khư cái tôi như thế của mình, thì Đất nước này sẽ vẫn phải thống khổ, Hội Thánh này sẽ vẫn phải cảm nghiệm những đắng cay triền miên do những ích kỷ và hẹp hòi ngay trong chính nội bộ mình.

Vì thế, để có được những cảm nghiệm tốt về Chúa đưa ta và đồng bào ta đến hạnh phúc thật, chúng ta cần rèn luyện bản thân mình bằng một nền tu đức thật sự Phúc Âm. Trái Tim Chúa Giêsu chính là trường dạy nền tu đức đó.

Giám Mục Gioan Baotixita Bùi Tuần, tháng 6/1995, [trích từ “Thao Thức 1 mở lòng ta ra với người nghèo”, NXB Tổng Hợp TpHCM, 2007, trang 370-375].

MỘT LINH ĐẠO CHO GIÁO DÂN

Lý do ủng hộ hay chống đối một linh đạo chuyên biệt cho giáo dân cho ta thấy nhiều yếu tố chung quan trọng trong mọi lối sống của Kitô hữu.

Năm 1959, Linh mục Yves Congar bắt đầu công trình nghiên cứu lâu dài và thận trọng của ngài về giáo dân bằng nhận xét cho rằng hạn từ *laikos* trong Hy ngữ, tức giáo dân trong tiếng Việt, không hề có trong toàn bộ Thánh Kinh (1). Tuy nhiên, trong Tân Ước, danh từ *laos* vốn đã được sử dụng nhiều lần để chỉ chung về “dân”. Trong Cựu Ước, một chữ tương tự cũng đã được sử dụng để chỉ Dân Chúa theo nghĩa tương phản với dân ngoại. Đối với các cộng đồng Do-thái giáo và Kitô giáo tiên khởi, các hạn từ ấy bao hàm khía cạnh thánh thiêng, chỉ những người có liên hệ với Thiên Chúa, khác với những người ở bên ngoài giao ước.

Dần dà trong Kitô giáo, hạn từ giáo dân đã được sử dụng theo nghĩa tương phản với các nhà lãnh đạo Dân Chúa, nghĩa là với các linh mục, giám mục. Giáo dân là thành phần trong Giáo Hội chịu sự lãnh đạo và kiểm soát của hàng giáo phẩm (2). Nửa đầu thế kỷ thứ hai, trong thư gửi cộng đoàn Côrintô, Thánh Clémentô Thành Rôma phân biệt một bên là “vị trí đặc biệt” và “các thừa tác vụ đặc biệt” của linh mục, một bên là bản đạo thường “bị trói

buộc bởi các luật lệ được đặt ra cho hàng ngũ giáo dân”. Nghĩa này nay đã trở thành phổ biến và bị coi là gây trở ngại cho khá nhiều người trong cộng đồng Kitô giáo.

Công đồng Vatican II đã đem lại nhiều tiên bộ trong phạm vi này. Từ đó, người ta càng ngày càng nhấn mạnh tới tinh thần cởi mở và đối thoại trong mọi khía cạnh của cuộc sống nhân bản, và điều này gây ra một ảnh hưởng tích cực đối với linh đạo giáo dân. Hiến chế mục vụ Giáo Hội Trong Thế Giới Hiện Đại đã nhấn mạnh tới tình liên đới giữa mọi người và đã chi tiết hóa cả một nền thần học nhập thể nhằm nối kết chặt chẽ giữa việc làm Kitô hữu với việc trở thành nhân bản trọn vẹn (3). Tuy thế, hình ảnh giáo dân như “người giúp việc” thì vẫn còn đó (4). Rất may, hình ảnh ấy không còn nổi bật trong các văn kiện của ta hiện nay nữa, nhưng thiển nghĩ nó vẫn còn lẩn khuất đâu đó trong tâm trí phần lớn giáo dân hiện nay và trong bầu khí trầm lặng của Giáo Hội. Và điều ấy khiến cho việc thay đổi trở thành khó khăn và đầy thách thức. Nhưng những phát biểu như sau đang cho thấy có sự thay đổi về cách nhìn đối với sự thánh thiện:

“Đời sống kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô trong Giáo Hội được nuôi dưỡng bằng sự phù giúp thiêng liêng chung cho mọi tín hữu, nhất là bằng việc tham dự tích cực vào Phụng Vụ. Người giáo dân phải làm thế nào để nhờ những phương tiện ấy mà chu toàn nhiệm vụ trần thế trong những hoàn cảnh thường xuyên của cuộc sống mà vẫn không tách khỏi đời sống mình sự kết hiệp với Chúa Kitô, nhưng càng kết hiệp mật thiết hơn chính khi thi hành công việc của

mình theo ý Thiên Chúa” (Sắc lệnh Về Tông Đồ Giáo Dân, chương 1, số 4)

Ở đây, chúng tôi không có ý định trình bày khía cạnh lịch sử và nhận thức học của hạn từ giáo dân. Chỉ xin thưa là hạn từ này đã xuất hiện dưới một hình thức nào đó ngay từ buổi đầu của truyền thống Kitô giáo và hiện nay, nó vẫn còn ở đó. Và theo thiện ý, bất kể chủ trương lý thuyết cũng như cảm quan của ta ra sao, hạn từ này vẫn tiếp tục được sử dụng cách nào đó để chỉ nhóm người đã rửa tội hợp thành đại đa số Dân Chúa, những người “*ngồi ở hàng ghế dài*” (*person in the pew*), hàng ngũ giáo dân (5). Thành thử, nêu câu hỏi về việc có cần khai triển một nền thần học linh đạo chuyên biệt cho hàng ngũ giáo dân hay không, thiết nghĩ, vẫn là điều thích hợp.

Các thái độ trong quá khứ đối với giáo dân

Ở những nơi, Kitô giáo từng có mặt lâu đời như Anh Quốc, không thiếu các vị giáo phẩm công khai tỏ ý khinh miệt hàng ngũ giáo dân. Đức Hồng Y Gasquet (1846-1929) mô tả như sau về họ: “*Người giáo dân quì trước bàn thờ, ngồi dưới tòa giảng, và thờ tay vào túi tiền*” (6). Đối với đề nghị của Tiến Sĩ Newman muốn tham khảo hàng ngũ giáo dân trong các vấn đề tín lý, Đức Ông George Talbot đã phát biểu như sau: “*Lĩnh vực hoạt động của giáo dân là gì? Là săn, là bắn, là vui chơi. Các vấn đề đó, họ hiểu rất rõ, nhưng còn việc pha mình và các vấn đề giáo hội học, họ không hề có quyền, mà việc của Newman là vấn đề thuộc giáo hội học... Tiến sĩ Newman là người nguy hiểm nhất tại Anh Quốc*” (7).

Qua thập niên 1950, vẫn còn những người như C.A. Bouman tỏ thái độ tiêu cực đối với hàng ngũ giáo dân. Trong một bài báo tựa là **“Is There A Lay Spirituality?” (Có chăng một nền linh đạo giáo dân?)**, ông cho rằng: linh đạo tu sĩ là mẫu mực cho mọi người, chỉ cần thích ứng nền linh đạo này cho những ai sống “giữa thế gian mà thôi”. Bouman không hoàn toàn vô lý, khi cho rằng các yếu tố hàng đầu của đời sống thiêng liêng là chung cho mọi người, như tôn vinh Thiên Chúa và mô phỏng Chúa Kitô (8). Điều đáng lưu ý là tác giả này cho biết điểm khác biệt chủ yếu giữa người giáo dân và tu sĩ là việc các tu sĩ và linh mục triệt để sử dụng các phương thế nên thánh, tức việc “tận hiến” của họ dưới hình thức lời tuyên khấn trước mặt Giáo Hội (9). Nhưng ông cho hay các lời tuyên khấn này vẫn có thể áp dụng cho những người sống ở bên ngoài ngũ cảnh tu trì như một sự thiện hạng nhì, hay một hình thức linh đạo “pha loãng”. Chủ trương coi cuộc sống tu trì như trời vượt và cuộc sống “giữa thế gian” gây trở ngại cho đời sống thiêng liêng này đã dẫn Bouman tới nhiều kết luận sai lầm và thu hẹp phạm vi các trợ cụ thiêng liêng dành cho họ. Ông bảo: *“Người giáo dân nên nhớ điều các bậc thầy linh đạo từng nói về tội ‘acedia’, tức tội làm biếng thiêng liêng, một cái tội mà phần lớn giáo dân khó lòng tránh khỏi”* (10). Như thế, người giáo dân rõ ràng lười biếng và ít đại lượng đối với Chúa, nên các phương thế thiêng liêng của họ xem ra chỉ quanh quẩn ở Mùa Chay, các Chúa Nhật, các lễ trọng, các kỳ tĩnh tâm.

Trích dẫn bài báo trên, chúng tôi không ngụ ý cho rằng mọi quan điểm về vấn đề này đều tiêu cực như thế cả. Và, từ Công Đồng Vatican II trở đi, cục diện đã có nhiều thay

đổi đáng kể. Tuy thế, thái độ tiêu cực như vậy vẫn còn hiện diện một cách tiềm ẩn đâu đó trong Giáo Hội, khiến nhiều người vẫn làm ngơ kinh nghiệm của người giáo dân về Thiên Chúa và do đó gây hại cho sự tiến triển thiêng liêng của họ. Các giáo dân đang nắm các chức vụ có tính thừa tác hiện nay trong Giáo Hội hiển nhiên là những người cảm nhận rõ nhất các thái độ tiêu cực tiềm ẩn hay vô thức này. Chúng chưa chết.

Điều ấy không có nghĩa: hàng ngũ giáo dân chưa bao giờ được coi trọng trong lịch sử Giáo Hội. Dù là số nhỏ, nhưng suốt truyền thống Công Giáo vẫn có những lời ca ngợi tính đa dạng của các vai trò trong Giáo Hội (11). Chương 12 Thư thứ nhất của Thánh Phaolô gửi tín hữu Côrintô là công bố quen thuộc hơn cả, trong đó Thánh Tông Đồ Dân Ngoại nói tới đặc sủng tuy nhiều nhưng chung một gốc. Thánh Ambrôsiô Thành Milan (chết năm 397) nhắc đến Công Vụ 6 và nhu cầu phải có đa dạng tính về chức năng trong Giáo Hội. Ngài nhận định rằng tuy các Tông Đồ bỏ việc phục vụ bàn ăn để chuyên chăm cầu nguyện và lắng nghe Lời Chúa, nhưng chính Thánh Stêphanô, người được chọn để phục vụ bàn ăn, đã được đầy tràn Chúa Thánh Thần (12). Còn Thánh Grêgôriô Cả, khi bình giải truyện Maria và Mácta, đã cho rằng việc phục dịch của Mácta là bước cần thiết nếu ta muốn tiến đến sự chiêm ngắm của Maria. Ngài nhấn mạnh rằng những giờ phút dành cho chiêm niệm chỉ ngăn ngủi và bao giờ cũng phải dẫn ta trở lại với cuộc sống phục vụ (13). Và trong thập niên 1950, đã có những người muốn được thấy trong Giáo Hội các ông bà thánh vợ chồng, các ông thánh luật sư, vốn không phải là ơn mưa móc rơi rớt từ nền linh đạo tu sĩ (14). Mơ

ước này, nửa thế kỷ sau, đã thành sự thật, đó là cặp vợ chồng hai chân phúc Luigi Beltrame Quattrocchi (1880-1951) và Maria Corsini (1884-1965). Luigi là một luật sư và công chức; Maria giữ vai nội trợ và hoạt động bác ái, là người từ khước phá thai dù là để cứu người mẹ. Họ được Đức Hồng Y José Saraiva Martins, Bộ Trưởng Bộ Phong Thánh, tuyên dương là đã *“tạo nên một giáo hội tại gia đúng nghĩa ngay trong gia đình họ, một gia đình sẵn sàng chào đón sự sống, cầu nguyện, tông đồ xã hội, liên đới với người nghèo và tình bằng hữu”*. Cuộc sống gia đình của họ diễn ra y hệt muôn vàn gia đình khác thuộc hệ họ: cũng có giờ cho thể thao, cho những ngày nghỉ bên bãi biển và tại các vùng cao... nhưng không bao giờ quên cầu nguyện và chào đón người nghèo. Ngày 21 tháng 10 năm 2001, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II chính thức phong chân phúc cho ông bà.

Và dù nhiều yếu tố trong công trình của mình cần được cập nhật hóa, Cha Yves Congar đã có tầm nhìn hết sức thông sáng về giáo dân, khi khẳng định rằng: *“... Nếu mạnh bạo mở tung cánh cửa chào đón hoạt động của giáo dân, Giáo Hội chắc chắn sẽ cảm nhận được một mùa xuân bình nở chưa từng có”* (15).

Chúa Thánh Thần quả đang hoạt động một cách rõ ràng trong cộng đồng giáo dân hiện nay. Cho nên đây là lúc người ta cảm thấy sự thôi thúc phải có một nền linh đạo có ý nghĩa hơn dành cho hàng ngũ giáo dân. Nhưng vấn đề là có cần một nền linh đạo chuyên biệt cho giáo dân hay không? Câu trả lời dường như cả có lẫn không.

Các lý chứng có và không

Trong các cuộc thảo luận giữa các linh mục, tu sĩ và giáo dân về việc cần có một nền linh đạo giáo dân, các thành viên của ba nhóm này đưa ra một số lý do nghiêm túc cho thấy tại sao không cần phải có một nền linh đạo như thế. Tuy nhiên, cường độ trình bày thì có khác nhau. Các tu sĩ và linh mục rất xác tín trong việc nói tới các điểm chung giữa họ và các giáo dân họ gặp, như trong các thừa tác vụ tại giáo xứ chẳng hạn. Phần các giáo dân, tuy nhấn mạnh tới các yếu tố chung, nhưng vẫn bày tỏ sự lo ngại đối với các lạm dụng trong quá khứ và muốn được thấy Giáo Hội quan tâm hơn đối với các kinh nghiệm đặc thù của họ trong ngữ cảnh cuộc sống thiêng liêng.

Lý do của sự khác biệt trong nhấn mạnh trên quả là khó nắm. Tuy nhiên, theo thiên nghi, có thể vì là thành phần chính trong lịch sử của Giáo Hội và được mọi người nhìn nhận là nghiêm chỉnh dấn thân vào cuộc sống thiêng liêng bằng chính việc quyết định theo ơn gọi của mình, nên các tu sĩ và linh mục sẵn sàng và cương quyết tự đồng hóa mình với hàng ngũ giáo dân hơn là tự tách mình ra để tương phản với hàng ngũ này. Ngược lại, hàng ngũ giáo dân thấy mình chỉ như lớp đất thiêng liêng ở trên mặt (spiritual turf) lúc nào cũng cảm thấy mình mỏng dòn, nên muốn được chuyển tới nền đất cứng cáp hơn, nghĩa là đi tìm một nền linh đạo có tính chuyên biệt dành cho kinh nghiệm của mình hơn.

Tại sao không cần một nền linh đạo giáo dân (16)?

Một luận chứng chống lại việc thừa nhận và khai triển nền linh đạo giáo dân là người ta sợ kéo dài những chia rẽ tai hại từng xuất hiện trong quá khứ. Tạo ra các nền linh đạo riêng biệt là vô tình nhân mạnh tới các dị biệt gây hại cho các điểm chung, như thế là kích lệ khuynh hướng của con người lúc nào cũng muốn tôn một nền linh đạo lên trên các nền linh đạo khác. Gán tư cách trời vượt nội tại cho bất cứ nền linh đạo nào cũng là điều tai hại, y hệt xu hướng độc tôn (exclusivism) vậy. Nếu linh đạo giáo dân có hiệu quả khiến cho các linh đạo khác thấy mình bị loại trừ, thì tốt nhất là đừng tạo ra nó, dù trong quá khứ, mọi nền linh đạo đều đã loại trừ giáo dân. Sứ điệp Tin Mừng là sứ điệp bao gồm, nó không chấp nhận việc đòi chác một thứ độc tôn này để lấy một thứ độc tôn kia.

Có người nghĩ rằng không thể nào có được một nền linh đạo giáo dân duy nhất. Và điều lý thú là cũng không thể có được nhiều nền linh đạo giáo dân vì cộng đồng giáo dân không có những đặc sủng nhất định hay những khuôn mặt sáng lập như nơi các tu sĩ Đa Minh, Phan Xi Cô, Cát Minh, Augustianô, Basilianô hay Dòng Tên. Quan điểm này cho thấy nhiều khó khăn đặc biệt khi phải giáp mặt với tính đa dạng nơi hàng ngũ giáo dân. Vậy mà tập chú ở đây lại là một nền linh đạo chung cho mọi Kitô hữu được phát biểu một cách cụ thể qua nhiều cách thể khác nhau.

Ta cũng có thể nói đến sự thay đổi gần đây trong các nhân tố vốn được dùng để phân biệt hàng tu sĩ/linh mục với hàng giáo dân. Đứng đầu các nhân tố này là sự kiện hàng giáo dân ở “giữa thế gian”. Ngoài quan điểm mới mẻ về “thế gian” ra, càng ngày người ta càng cho rằng cả các linh

mục và tu sĩ nữa cũng không ở ngoài thế gian. Trong một số trường hợp, các ngài còn ở “giữa thế gian” đến tận xương tủy nữa. Ta chỉ cần nhớ tới các nhóm nấu cháo và cung cấp cháo tại Trung Mỹ. Chính các vị tự đóng khung trong các đan viện chiêm niệm hiện cũng đang gắn bó với “thế gian” một cách chặt chẽ. Thomas Merton là một điển hình hiển nhiên. Người ta có thể nhận ra các khác biệt giữa việc làm một người bán giấy hay một thảo chương viên điện toán, và một nhà giảng thuyết hay một giáo lý viên. Nhưng hơi khó nếu phải hiểu thoả đáng sự dị biệt giữa các cách hiện diện “giữa thế gian” của các nền linh đạo khác nhau. Phải chăng đây là tập chú hàng đầu?

Một phương thức khác có lẽ là phải xác định lại ý nghĩa của các hạn từ như “linh mục” và “giáo dân” dựa trên truyền thống sơ khai. Trong cái hiểu của Thánh Kinh về “laos” (dân), tư tế hay linh mục “được lấy ra từ dân”, không theo nghĩa tách biệt khỏi họ, mà là giống như họ. Trong Thư gửi tín hữu Do Thái, chức tư tế của Chúa Giêsu cho thấy Người kết hợp với ta một cách hết sức gần gũi, nhờ thế, Người hiểu tận tường số phận của ta. Theo chiều hướng này, ta có thể nói rằng bậc sống giáo dân làm nền cho mọi cấp bậc trong Giáo Hội, và các giáo sĩ cũng như tu sĩ đều là các giáo dân nhưng đảm nhiệm các chức năng khác trong Giáo Hội. Hiểu như thế, thì mọi nền linh đạo đều trước hết phải là linh đạo giáo dân.

Một chủ trương tương tự khác thì đề cập tới tính phổ quát của ơn gọi giáo dân. Người nào ít nhất cũng phải trải qua một phần tư đời mình làm giáo dân, và dù sau đó có chọn ơn gọi làm linh mục hay tu sĩ đi nữa, thì cái gốc linh đạo

và hệ thống giá trị của con người ấy vẫn phải quay về với môi trường giáo dân của gia đình. Một cái nhìn như thế đương nhiên đã đặt linh đạo giáo dân làm nền đẽ nhất đẳng cho mọi người.

Luận chứng sau cùng chống lại việc khai triển một nền linh đạo chuyên biệt cho giáo dân nhấn mạnh tới các yếu tố căn bản chung cho mọi người, bất kể bậc sống, phái tính và hệ phái. Các yếu tố này hầu như phổ quát trong truyền thống Kitô Giáo và xuất hiện một cách nhất quán trong mọi ghi chép của lịch sử linh đạo. Chúng liên quan tới mối liên hệ nhân thân căn bản và do đó, bàng quan đối với các phạm trù đặc thù như giáo dân, giáo sĩ, tu sĩ.

Các yếu tố đó là: lấy việc biết mình làm khởi điểm cho đời sống thiêng liêng, khao khát Thiên Chúa, nuôi dưỡng mối liên hệ của ta với Thiên Chúa bằng cầu nguyện, nhận biết tội lỗi mình, thực hành nhân đức, thương yêu người lân cận. Danh sách ấy còn dài. Ít ai có thể chối bỏ được rằng bất cứ người nào muốn thực hiện cuộc hành trình tiến tới thánh thiện đều phải quan tâm tới các vấn đề ấy, như thế đâu cần phải có một nền linh đạo chuyên biệt giáo dân, hay tu sĩ hoặc linh mục! Trong Thư gửi tín hữu Galát (3:27-29), Thánh Phaolô cho ta thoáng thấy cuộc sống của những người được rửa tội và mặc lấy Chúa Kitô phải như thế nào. Cuộc sống ấy phải loại bỏ mọi phân biệt giữa Do-thái và Hy-lạp, giữa nô lệ và tự do, giữa nam và nữ, tất cả phải nhường bước cho việc hợp nhất trong Chúa Giêsu Kitô.

Thế còn câu trả lời có thì sao, tại sao ta lại cần phải có

riêng một nền linh đạo cho giáo dân, dựa vào căn bản nào để quả quyết như thế?

Tại sao cần một nền linh đạo riêng cho giáo dân?

Phần lớn các lý do bên vực nền linh đạo riêng dành giáo dân phát sinh từ lịch sử. Phải thành thực nhìn nhận rằng trong lịch sử linh đạo Kitô Giáo, ý nghĩa và việc sử dụng hạn từ “giáo dân” thường có âm hưởng tiêu cực. Hạn từ này không luôn luôn được sử dụng chỉ để phân biệt một nhóm đặc thù trong Giáo Hội, mà thường đem theo nó các ý nghĩa *ít hơn, thấp hơn, hạng nhì...* Người ta hay cho rằng hàng ngũ giáo dân thiếu khả năng đạt tới sự viên mãn của cuộc sống thiêng liêng, hay thường bị loại khỏi mọi cuộc bàn luận về linh đạo. Việc xuất hiện của phong trào đan viện, việc thiếu giáo dục trong xã hội nói chung, và việc nhấn mạnh tới cấu trúc phẩm trật trong Giáo Hội, tất cả đều đã góp phần tạo nên trạng huống trong đó các trước tác về linh đạo gần như hầu hết chỉ dành cho các tu sĩ và giáo sĩ, khiến người ta có cảm tưởng: chỉ có hai lớp người này mới đáng làm đầu đề bàn luận khi nói về hành trình linh đạo mà thôi (17).

Vì cái thực tại lịch sử đầy sao lãng và xúc phạm ấy đối với hàng ngũ giáo dân, nên hiện nay, nhiều người nghĩ rằng cần phải có một nền linh đạo giáo dân riêng để sửa lại các lỗi lầm của quá khứ. Như trên đã nói, có người đề nghị thích ứng các nền linh đạo vốn dành cho các đan sĩ nam nữ (18) nhưng nhiều người nghĩ phải làm hơn thế nữa, ít nhất cũng suy nghĩ lại các nền tảng nhân học và thần học cho linh đạo.

Lý do thứ hai thuộc lãnh vực văn hóa lịch sử: vì thời hậu Công Đồng Vatican II vốn được coi là “thời đại giáo dân”. Nền linh đạo cần phải được điều chỉnh để phù hợp với nền văn hóa và kinh nghiệm sống của người ta. Nếu cái hiểu của người ta về linh đạo bị tách biệt khỏi các sinh hoạt hàng ngày thì nền linh đạo ấy khó tồn tại được. Hậu quả chỉ có thể là trạng thái tâm thần phân liệt (schizophrenia) hay chí ít cũng là một sinh hoạt linh đạo đầy giả tạo. Có thể gọi đó là đời giả (pseudo-life) hay một điều gì đó được thêm vào “đời thực”.

Bất kể khi nào một giáo hội, trong tư cách định chế, tự tách mình ra khỏi nền văn hóa mà nó vốn thuộc về, nó cũng sẽ thoái hóa, tự mặc lấy dáng dấp không thực (unreality) và cuối cùng không còn khả năng ăn nói có tình có lý với dân nữa. Khi đó, các phong trào giáo dân có nghĩa vụ phải tái nối kết kinh nghiệm tôn giáo với xã hội nói chung. Trong thế kỷ 14, một phần để chống lại phong trào kinh viện và việc chỉ dùng chữ La Tinh, người ta đã khởi sự trước tác bằng ngôn ngữ bình dân và dịch thuật các tác phẩm linh đạo sang các ngôn ngữ này để phục vụ cộng đồng giáo dân. Chống lại khuynh hướng dân chủ hóa này chính là Tòa Thảm Vấn (Inquisition) và các ngăn cấm nhằm giữ cho Thánh Kinh và các tác phẩm linh đạo không lọt vào tay những “tên đàn độn” và phụ nữ đầy cảm xúc (19).

Trong tác phẩm gần đây, tựa là *Unquiet Souls*, Richard Kieckhefer cho rằng một số thiếu sót trong đời sống và trước tác của Margery Kempe (1373–1438) (20) có thể do việc bà cố gắng sống một cuộc sống linh đạo mà không cần đến sự hỗ trợ của cấu trúc đan viện. Phong trào *devotio*

moderna (21) của thời Trung Cổ cũng là một điển hình khác. Cái nhìn lệch lạc muốn hoàn toàn nối kết sự thánh thiện với phong trào đan viện này sống rất dai: hàng ngũ giáo dân thành thị càng trở nên đạo đức bao nhiêu, nó càng mô phỏng lòng sùng mộ của đan viện bấy nhiêu, và do đó, khó có thể phân biệt được đâu là não trạng giáo dân, đâu là não trạng giáo sĩ hay tu sĩ. Cái khó là làm thế nào hòa giải được lý tưởng đan viện với cuộc sống của giáo dân (22).

Một đảng vì thiếu trí tưởng tượng sáng tạo một đảng vì sự chống đối của thẩm quyền, cả hai đã góp phần ngăn cản nền linh đạo giáo dân, không cho nó phát triển đầy đủ. Ngày nay, nơi nào, Giáo Hội vẫn còn đưa ra các quyết định và tuyên bố về ý nghĩa của thánh thiện mà không đại diện đầy đủ cho hàng ngũ giáo dân, không bao gồm tiếng nói và sự ủng hộ của họ, nơi ấy, ta vẫn còn đang phá hoại lời mời gọi mọi người nên thánh.

Lý do thứ ba, và có lẽ là lý do nền tảng nhất, khiến ta cần một linh đạo riêng cho giáo dân là lịch sử tính của Kitô Giáo. Thiên Chúa của Cựu Ước và của Tân Ước là một Thiên Chúa đã chọn lịch sử làm diễn đàn để tự tỏ mình ra. Theo đề nghị của Rahner (Dòng Tên, 1904-1984) và của nhiều người khác, nếu phải trông chừng Lời Thiên Chúa xuất hiện, thì ta nên đề ý tới các điều đặc thù của môi trường lịch sử. Ở Hoa Kỳ, đã có câu nói thường được nhiều người truyền tụng là: Kitô hữu một tay nên có Thánh Kinh, tay kia nên có tờ *New York Times*. Thế gian quả là diễn đàn để Thiên Chúa hành động. Edward Schillebeeckx (Dòng Đa Minh, 1914-2009) thì nói về một Thiên Chúa luôn mong cứu rỗi ta trong cái toàn vẹn tính của ta, trong

chính cái thực tại lịch sử, hiện sinh của đời ta. Thành thử các kinh nghiệm nhân bản và cụ thể của ta chính là các thành tố chủ yếu trong cái hiểu của ta về cuộc sống thiêng liêng. Nếu đúng như thế, thì các điều đặc thù trong lối sống của ta, và do đó, trong kinh nghiệm hàng ngày của ta, đều là những yếu tố then chốt trong phương thức ta nói về linh đạo.

Theo cái nhìn trên, lối sống quả đã trở thành quan yếu. Đáng Thiên Chúa được tôi khám phá, các hình ảnh được tôi sử dụng, và ngôn ngữ tôi chọn để mô tả kinh nghiệm, tất cả đều lệ thuộc các hoàn cảnh đặc thù của đời tôi. Lối sống trở thành hết sức ý nghĩa bất kể tôi độc thân, có gia đình, bất kể tôi có con, sống hợp đoàn hay sống đơn độc. Dù lớn lên trong nhân đức là một thành tố trong mọi hành trình hướng về Chúa, tính đặc thù lịch sử của việc cảm nhận được sự lớn lên này sẽ thay đổi từ người này qua người nọ tùy các thực tại cụ thể trong đời sống họ. Kinh nghiệm Kitô Giáo luôn được “tư hữu hóa” cách khác nhau bởi các cá nhân và các nhóm khác nhau, cho nên Giáo Hội chỉ có lợi khi bao hàm tất cả mọi chủ thể này vào trong cái hiểu của mình về sinh hoạt linh đạo.

Cơ cấu phẩm trật của Giáo Hội cũng có thể cho thấy sự cần thiết phải có một nền linh đạo giáo dân. Vì khi nào cơ cấu phẩm trật được sử dụng để loại bỏ hay hạ giá bất cứ nhóm nào trong Giáo Hội, nhóm này đều cảm thấy nhu cầu phải nói lên cách sống thiêng liêng của mình để bảo tồn căn tính và khẳng định ý nghĩa của mình, chống lại nguy cơ bị kỳ thị.

Cuối cùng, giáo dân thường không có cơ hội được giáo dục và phát triển về linh đạo. Phần lớn các chủng viện và các chương trình huấn luyện dành cho tu sĩ hiện nay bao gồm nhiều cơ hội để người ta lớn lên trong hành trình hướng về Chúa. Vì càng ngày càng có nhiều giáo dân nhận ra nhu cầu này và tìm cách gia tăng nhận thức về linh đạo, nên họ đã tham gia nhiều tổ chức như các nhóm học hỏi Thánh Kinh, các lớp thần học, các nhóm cầu nguyện, các chương trình học hỏi tại giáo xứ, các buổi tĩnh huấn. Trong các sinh hoạt ấy, điều người ta thường khám phá ra hơn cả là cộng đồng giáo dân quả có một nền linh đạo riêng biệt, cộng đồng này quả có phản ảnh tình yêu và nhân đức anh hùng và Thiên Chúa quả có kêu gọi mọi người đạt tới đỉnh cao yêu thương. Vấn đề là các thực tại này chưa được ta ý thức đầy đủ.

Việc thiếu ý thức ấy phần lớn do các quan niệm hẹp hòi hoặc không thích đáng của ta về đời sống thiêng liêng. Dù truyền thống đem lại cho ta nhiều tài nguyên phong phú, nhưng ta cũng cần một nền thần học sáng tạo biết tích nhập kinh nghiệm giáo dân vào đời sống thiêng liêng của Giáo Hội. Ta nên hiểu ra sao về cầu nguyện, chiêm niệm, nhân đức và việc làm? Ta phải có thái độ nào đối với thân xác, tính dục, thế giới vật chất? Những thực tại ấy nên có dung mạo nào trong hành trình linh đạo? Tài nguyên quý giá nhất của ta trong lãnh vực này là kinh nghiệm của những giáo dân biết chú ý tới các phương cách Thiên Chúa dùng để hiện diện trong cuộc sống hàng ngày của họ. Ta cần đặt câu hỏi xem nguồn dự trữ này nên được mở vòi ở đâu và bằng cách nào: ở bình diện giáo xứ trong các quyết định về thờ phượng và thừa tác; ở bình diện giáo phận, giáo hội

quốc gia và giáo hội hoàn cầu trong việc soạn thảo các tuyên bố mục vụ về các vấn đề từ chiến tranh hạch nhân tới kinh tế và địa vị phụ nữ; trong các cuộc gặp gỡ đủ loại từ hội đồng giáo xứ tới công đồng chung. Điều cần không phải chỉ là một tham khảo ngắn ngủi có tính *ad hoc* (nhất thời, đặc nhiệm), mà phải là một hợp tác hỗ tương thực sự và liên tiếp.

Kết luận

Trên đây, ta đã duyệt qua các lý do ủng hộ và chống đối nhu cầu phải có một nền linh đạo riêng cho giáo dân. Giải đáp thứ ba có thể là: vào lúc này đây, ta cần một nền linh đạo riêng cho giáo dân, nhưng ta chờ mong đến ngày việc ấy không còn cần thiết nữa. Nền linh đạo giáo dân này hiện đang được chú trọng nhiều trong Giáo Hội Công Giáo qua rất nhiều cố gắng của các nhà thần học giáo dân, mà con số mỗi ngày một gia tăng trong Giáo Hội. Như vợ chồng James D. và Evelyn E. Whitehead, chẳng hạn, đã mạnh dạn thăm dò nền linh đạo hôn nhân trong tác phẩm “Marrying Well” do nhà Doubleday xuất bản năm 1983 mà chúng tôi có giới thiệu trên trang mạng Vietcatholic cuối năm 2007 đầu năm 2008 (23). Không những thế, huấn quyền cũng mỗi ngày một chú ý tới việc tổng hợp nền linh đạo giáo dân vào dòng sống chung của Giáo Hội hơn. Ngoài việc phong chân phúc cho vợ chồng Quattrocchi của Đức Gioan Phaolô II ra, ta thấy dịp Tuần Thánh năm nay, Đức Bênêđictô XVI đã mời hai ông bà Danilo và Anna Maria Zanzucchi soạn các bài suy niệm cho các chặng dâng Thánh Giá tại Colosseum. Ông bà Zanzucchi có 5 người con, 12 đứa cháu nội ngoại, là đồng sáng lập viên và

người hướng dẫn lâu đời của Phong Trào Gia Đình Mới Focolare, một Phong Trào nổi vòng tay lớn với nhiều gia đình bị phân rẽ, ly dị hay bỏ rơi. Họ đưa bất trung hôn nhân và phá thai vào gánh nặng tội lỗi mà Chúa Giêsu từng phải gánh. Ngoài ra, bệnh tật, chết chóc, tài chánh khó khăn, nghèo khổ, phản bội, vô luân, bất hoà với thân nhân và thiên tai cũng được họ coi là các đau khổ Thánh Giá (24).

Tuy nhiên, dù chọn con đường nào, thì mục tiêu vẫn rõ ràng là: phải tôn trọng mọi chi thể của Nhiệm Thể Giáo Hội trong phẩm giá riêng là tạo vật Thiên Chúa của họ và phải khẳng định rằng lời mời gọi mọi người chia sẻ ‘sự viên mãn của mầu nhiệm Thiên Chúa’ là một lời mời phổ quát. Ta cần học hỏi lẫn nhau các cách thể Thiên Chúa hành động trong đời sống ta và tạo ra một ngôn ngữ và các quan niệm của ta về đời sống thiêng liêng có khả năng truyền đạt một cách cởi mở, kính trọng và hỗ trợ. Thiên Chúa kêu gọi ai là tùy Người và Chúa Thánh Thần muốn thổi đâu là tùy ý Người, ta phải chấp nhận việc ấy. Sự thánh thiện không được phán định bằng chức vụ, phái tính hay giàu có, mà bằng hoa trái của nó. Tình yêu, công lý, hòa bình, hân hoan, nhẫn nại, các hoa trái này hiện diện trong những con người của mọi lối sống và ngành nghề.

Vicentê Vũ Văn An, Australia

[Tác giả gửi trực tiếp cho GDHT]

Chú thích

1. *Lay People in the Church: A Study for a Theology of Laity* (London: Geoffrey Chapman, 1959)
2. Edward Schillebeeckx, *The Layman in the Church* (New York: St. Paul Publications, 1963).
3. Preface, 1; Introduction, 11.
4. Xem *Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân*, Ch.II, 6.
5. Nghiên cứu các văn kiện của Giáo Hội, ta thấy hạn từ này đã trở nên thông dụng và do đó khó có thể mất đi trong truyền thống Công Giáo. Xin xem Leonard Doohan, *The Lay-Centered Church* (Minneapolis, 1984), và *John Paul II and the Laity* (Cambridge, Mass., 1984).
6. Trích dẫn trong phần dẫn nhập của John Coulson, *On Consulting the Faithful in Matters of Doctrine by John Henry Newman* (New York: Sheed & Ward, 1961), p. 17.
7. *Ibid.*, p. 41
8. *Worship* 27 (1952-53): 279.
9. *Ibid.*, p. 280.
10. *Ibid.*, p. 282.
11. Một điển hình tương tự là phong trào duy nữ hiện nay. Trong suốt lịch sử, vẫn có những tài liệu nói tới phong trào đòi bình đẳng cho phụ nữ, nhưng các phong trào này không làm sao tiến sâu vào cấu trúc xã hội để biến sự bình

đảng này thành qui luật. Điều này cho thấy thói quen quá là khó thay đổi.

12. Exposition of the Gospel of Luke, VII, 86. *Sources chrétiennes* 52, 1958, tr. 37.

13. *Homilies on Ezechiel*, I, 3, 9.

14. The Layman in the Church của Michael de la Bedoyère (Chicago: Henry Regnery Co., 1955) và We Are Men của John M. Todd (London: Sheed & Ward, 1955), giới thiệu bởi D.J.G., *Worship* 10 (Tháng 11, 1955): 591.

15. *Lay People in the Church*, p. xxx.

16. Phần này và phần sau dựa vào các ý kiến trong các cuộc hội thảo của các sinh viên cao học tại Đại Học Công Giáo và Washington Theological Union.

17. Một điển hình rõ ràng nữa là danh sách các vị được phong hiển thánh. Căn cứ vào đó, người ta thấy có sự liên hệ qua lại giữa lối sống của những người ra quyết định sau cùng về tư cách thánh nhân và những người được coi là thánh thiện vượt bậc. Nam giới, giáo sĩ độc thân là những vị trội vượt hơn mọi nhóm khác.

18. Một trong các cố gắng tương đối thành công là cuốn của Dolores Lecky, *The Ordinary Way* (New York, 1982), trong đó, bà thích ứng các yếu tố của luật Biển Đức vào đời sống gia đình.

19. Ciriaco Moron-Arroyo, "'I Will Give You A Living Book': Spiritual Currents At Work At the Time of St.

Teresa of Jesus," *Carmelite Studies: Centenary of St. Teresa*, John Sullivan chủ biên (Washington, D.C.: ICS Publications, 1984), tr. 97.

20. Người nổi tiếng đã đọc cho người khác viết cuốn *The Book of Margery Kempe*, được coi là cuốn tự truyện đầu tiên của nền văn chương Anh. Cuốn này ghi lại ngày tháng các cuộc hành hương của bà tới các nơi thánh tại Âu Châu và Á Châu, cũng như các cuộc đàm đạo huyền nhiệm của bà với Thiên Chúa. Bà rất được Hiệp Thông Anh Giáo sùng mộ.

21. Một phong trào tôn giáo thế kỷ 14 do Gerard Groote khởi xướng hàng đầu. Trong số những người khởi xướng khác, ta thấy có Thomas à Kempis, được coi là tác giả Sách Gương Phúc (*The Imitation of Christ*). Thoạt đầu, Groote chú tâm khám phá lại các thực hành đạo đức chân chính và tìm cách khuyên các giáo sĩ nguội lạnh hồi tâm, do đó, ông bị các giáo sĩ chống đối. Nhưng với thời gian, nhất là sau khi ông qua đời, sự chống đối này đã giảm dần. Hình thức đạo đức này phát triển mạnh trong hai thế kỷ 14 và 15, nhưng suy thoái dưới thời Cải Cách Thế Phản. Tuy nhiên, các phương pháp “cầu nguyện theo phương pháp” do phong trào này khởi xướng và nhất là các kỹ thuật “tự phóng chiếu” (self-projection) theo hình ảnh Thánh Kinh (để dự phần vào cuộc đời Chúa Cứu Thế) thì vẫn tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ trên các phương thức suy niệm Kitô giáo của thế kỷ 16 và sau đó. Các phương pháp này đã được Thánh Ignatius thành Loyola thích ứng trong tập Linh Thao, kim chỉ nam của các tu sĩ Dòng Tên hiện nay.

22. Richard Kieckhefer, *Unquiet Souls: Fourteenth Century Saints and Their Religious Milieu* (Chicago: University of Chicago Press, 1984), tr. 195.

23. Vũ Văn An, Linh Đạo Hôn Nhân Hiện Đại, *Vietcatholic*, các ngày 4/12/07, 14/12/07/ 9/1/08, 22/1/08 và 17/2/08.

24. Vũ Văn An, Chặng Đàng Thánh Giá, *Vietcatholic*, ngày 5/4/12

Viết theo Elizabeth A. Dreyer, Spirituality Today, Mùa Thu, 1986, Bộ 38, các tr. 197-208. Tiến sĩ Dreyer là giáo sư thần học tại Washington Theological Union. Luận án tiến sĩ của bà viết về nền linh đạo của Thánh Bonaventura.

TRUYỀN THỐNG: GIÈNG MỐI LIÊN KẾT XƯA VÀ NAY?

Ngày xưa, khi luận bàn một vấn đề quan trọng nào, thì các nhà tư tưởng Đông phương hay dùng chữ “duy” (維), có nghĩa là *dây buộc mui xe, dây ở bốn góc lưới*, nghĩa thông dụng phiên Nôm thuần Việt là “*giềng mối*” để chỉ điều căn cốt thiết yếu của vấn đề. Ví dụ như trong cuốn “Quản Tử” tương truyền là tác phẩm của Quản Trọng (*mất năm 645 BC*) có nói đến “quốc hữu tứ duy” (國有四維), nghĩa là nước có bốn giềng mối: lễ - nghĩa - liêm - sỉ; một giềng mối đứt thì nghiêng, hai giềng mối đứt thì nguy, ba giềng mối đứt thì đổ, bốn giềng mối đứt thì mất (Cit. Lm Thomas Nguyễn Văn Hiệp, Gp Phan Thiết - Khánh Nhật Truyền Giáo 09/10/2011).

1. TRUYỀN THỐNG

1.1 ĐỊNH NGHĨA

“Truyền thống” là cụm từ được nói đến nhiều nhất và cũng bị lạm dụng khá nhiều, khi người ta muốn vận động hoặc áp đặt một điều gọi lại một tập tục, một “nếp cũ”, một nét văn hoá vật thể hoặc phi vật thể, nhằm duy trì, nhắc nhở, củng cố và tiếp nối những điều được cho là tốt đẹp truyền từ xa xưa. Vì thế, một định nghĩa cụm từ “Truyền Thống” là điều cần thiết.

Có rất nhiều định nghĩa từ này. Wikitionary tiếng Việt định nghĩa Truyền Thống là Đức tính, tập quán, tư tưởng, lối sống... được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Pascal trong *Pensées* viết : Truyền Thống là sự lưu truyền các sự kiện lịch sử, các học thuyết tôn giáo, các truyền thuyết từ đời nọ sang đời kia qua khẩu truyền mà không có chứng cứ xác thực và được ghi lại...Do các sự kiện được lưu truyền như vậy, rất nhiều nét lịch sử chỉ là những truyền thống sai. Tự điển ngôn ngữ Pháp “Littré” cũng đồng ý như vậy. Khác hơn một chút, triết gia Jouffroy và nhà xã hội học Boudon-Bourr cho rằng : Truyền thống là hành động, cách thức lưu truyền một kiến thức, trừu tượng hay cụ thể, từ thế hệ này qua thế hệ khác, bằng truyền khẩu, ký tự hay bằng ví dụ. ...Truyền thống không phải là một quá khứ không thể ràng buộc vào lý trí hay tư duy, hoặc ép buộc chúng ta bằng cả trọng lượng của nó. Truyền thống là một quá trình qua đó cấu thành một kinh nghiệm sống và có thể thích nghi. So sánh chung, nhận thấy định nghĩa đầy đủ nhất là của Trung Tâm Quốc Gia các Nguồn Văn Bản và Tự Điển (Centre National de Ressources Textuelles et Lexicales): Truyền Thống là di sản qua đó quá khứ tồn tại trong hiện tại. Truyền Thống là tổng thể của văn hoá và văn minh với tính chất được lưu giữ và lưu truyền qua các phương tiện và mô thức xã hội hoá.

Tuy vậy, “truyền thống” thay đổi dưới mắt mỗi cá nhân: kẻ thì cho rằng truyền thống là tinh hoa, cần duy trì và nhân rộng; người khác lại nghĩ rằng truyền thống là hình ảnh của những gì tồn đọng, cũ kỹ, lỗi thời, chỉ có giá trị lịch sử, không thể ứng dụng trong thời đại công nghệ thông tin thay đổi nhanh đến chóng mặt này. Như vậy, câu hỏi đặt ra: **liệu Truyền Thống có và còn là gì ngoài mối liên kết xưa và nay, cũ và mới?**

1.2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Truyền thống nằm ở cả hai phạm trù: cụ thể và trừu tượng, hay cũng có thể gọi là vật thể và phi vật thể.

a) Cụ thể: đó là mái nhà, mái đình, các lễ hội, các thực hành phong tục tập quán (ma chay, cưới hỏi), rước sách, xã giao (chào hỏi, xử đối)... Những truyền thống này, dù thời gian trôi qua, dù không còn giữ nguyên nội dung và giá trị ban sơ, thì vẫn là nét tinh hoa của một thời và làm nên nét đẹp của một dân tộc. Tà áo dài có thể sẽ biến mất theo thời gian, nhưng là nét đẹp tôn vinh người phụ nữ Việt Nam trong một thời gian dài. Tóm lại, hình thức cụ thể có thể mờ dần hoặc biến mất, nhưng “cái hồn” vẫn giữ nguyên giá trị.

b) Trừu tượng: là những truyền thuyết, những điều không được hoặc không thể chứng minh, nhưng rất nhiều trong số đó trở thành “quốc hồn quốc túy” và có giá trị lâu bền. Lạc Long Quân và Âu Cơ (cũng như An Dương Vương) vốn chỉ là truyền thuyết và không một ai ngây thơ tin rằng truyện sinh bọc trứng là có thật, song cũng không một ai phủ nhận nó, trái lại, vẫn hãnh diện với gốc tích Con Rồng Cháu Tiên của mình.

Cả hai phạm trù vật thể và phi vật thể trong truyền thống đều đã trải qua thời gian, không gian và lịch sử, chịu rất nhiều sàng lọc, được bổ sung hoặc cắt xén, chịu nhiều lạm dụng đến mức khó nhận ra ‘nguyên bản’, nhưng tựu trung, chúng vẫn giữ được cái hồn và lưu truyền cho hậu thế, mặc cho hậu thế đánh giá, sử dụng như thế nào, quý trọng hay khinh chê ra sao. Nhưng một quốc gia, một dân tộc, một nhóm người, một gia tộc sẽ không thể tồn tại, nếu không có Truyền Thống hoặc không thể giữ gìn và lưu truyền Truyền Thống. Tôn giáo cũng có Truyền Thống và ít nhiều

truyền thống tôn giáo cũng chịu những định luật lịch sử như mọi truyền thống khác (văn hoá, đạo đức).

2. TRUYỀN THỐNG CÒN LÀ GIÈNG MỐI LIÊN KẾT XƯA VÀ NAY?

2.1. Cha mẹ đặt đâu, con cái ngồi đấy: truyền thống duy trì ưu thế?

Đây là tập tục có từ lâu đời và được thực hiện rất tự nhiên, gần như không có sai sót, ngoại trừ thỉnh thoảng có những trường hợp “đặc biệt” như là xé rào trước hôn nhân, kèm theo các hình phạt không nhẹ của lệ làng, gây nên nỗi tủi hổ cho gia tộc và gia đình. Bên cạnh việc tạo được sự ổn định trong xã hội và gia đình, tục lệ này đã tạo nên áp lực tinh thần cho con cái và đã bị tư duy cải cách xã hội lên án, đem ra nhiều mô thức thay đổi, rồi bị lạm dụng đến mức xuất hiện nhiều hình thức có tính chất biến thái, như tự do luyện ái, sống chung trước hôn nhân và các hình thái đời sống tình dục không thể chấp nhận như đồng tính, sống chung trước hôn nhân. Hôn nhân dị giáo – dù được bao dung cho phép với điều kiện – cũng là một sự vượt rào quan niệm “cha mẹ đặt đâu, con cái ngồi đấy”. Thực tế chứng minh cho thấy rất nhiều trục trặc và bất ưng trong hôn nhân này. Nói như thế không có nghĩa là bên vực quan điểm xưa cũ ấy. Khi nói “cha mẹ đặt đâu, con cái ngồi đấy”, không chỉ nói về hôn nhân, mà còn liên quan đến chọn lựa đời sống, định hướng nghề nghiệp. Xã hội nông nghiệp không cho phép nhiều chọn lựa, ngoài tiến thân bằng khoa cử, mà không phải ai cũng dám mơ ước và có thể thực hiện. Trong lũy tre làng, truyền thống luôn chiếm ưu thế và bất cứ một lệch lạc cố tình hay hữu ý, đều bị xã hội lên án. Ưu thế này đã không giữ được mãi. Thay

đổi quá nhanh không chỉ làm cho truyền thống bị đặt vấn đề, mà chính các thế hệ cha ông cũng bị hụt hẫng. Đô thị hoá nông thôn cùng làn sóng ồ ạt ra thành phố - mà một số người biện minh là “ly nông, bất ly hương” – đã góp phần đẩy truyền thống vào “thế thủ”, mặc cho những con sóng “hiện đại hoá” xô đẩy, vùi dập. Suy nghĩ ấy, cảm giác ấy càng rõ rệt, bùi ngùi, khi có dịp đứng trước hoặc tham quan những nơi được gọi là “nhà truyền thống”: chúng lưu giữ những nét văn hoá truyền thống vật thể; chúng nhắc nhở quá khứ hào hùng, nhưng cũng không che đậy được một sự thật chua chát, rằng chúng chỉ còn là kỷ niệm, là nơi để thừa thớt người đến tham quan sống lại kỷ niệm cũ, nghe thuyết minh về những giai đoạn lịch sử “vang bóng một thời”. Bên ngoài các “nhà truyền thống” ấy, cuộc sống hối hả, xô bồ và dửng dưng, vô tình, khác xa với sự tĩnh lặng, êm ả, lắng đọng của bên trong, bên trong nhà truyền thống và cả bên trong tâm hồn những lớp người có tuổi, đang tiếc nuối truyền thống, đang chứng kiến truyền thống dân tộc, gia đình biến mất, âm thầm, nhưng rõ rệt.

Với những người (Việt) sống ở nước ngoài sau 1975, đặc biệt ở các nước Âu Mỹ, truyền thống đã mau chóng bị thử thách và bị lu mờ, rất khó giữ trong các gia đình, trước sự lo âu và bất lực của các bậc phụ huynh và những người có tâm huyết với phong tục tập quán Á Đông đầy tình người. Văn hoá “you” ở Mỹ hay “vous”, “tu” ở Châu Âu đánh đồng mọi giới, mọi tuổi, mọi quan hệ trong xã hội, không phân biệt “trong nhà ngoài phố”, phá bỏ lớp lang trật tự trên dưới. Thành trì Nho giáo mau chóng bị triệt hạ. Lớp trẻ sinh ra và trưởng thành ở hải ngoại may mắn lắm còn nói được tiếng Việt (một số ít biết đọc và số ít hơn biết

viết). Họ mang quốc tịch Âu Mỹ và Việt Nam là “ngoại quốc”. Sợ rằng họ còn khó nhận ra và chỉ đúng vị trí nước Việt Nam trên bản đồ thế giới. Truyền thống còn chút ý nghĩa chẳng, là hình ảnh cha mẹ chúng kính trọng và chăm sóc ông bà hơn là dân “bản địa”, là những tiếng xung hô và chào hỏi khá phức tạp trong gia tộc, gia đình, là những lễ hội được các thế hệ cha anh tái hiện vội vã, nhếch nhác, thừa thớt dần, mà thiếu đi cũng chẳng gây nên điều gì, ngoài ánh mắt thần thờ, buồn bã của các lớp cha anh. *Abyssus abyssum vocat*. Vực thăm kêu gào vực thăm. Cự đoan thường tiếp sau những ưu thế “quá khích” này: con cái đặt đâu, cha mẹ ngồi đấy.

2.2. Con cái đặt đâu, cha mẹ ngồi đấy: truyền thống mất đi vị trí ?

Một cuộc lật đổ, hoán ngôi ngoạn mục! Cùng với thời gian và ảnh hưởng nhiều nền văn hoá và việc con cái làm chủ kinh tế trong gia đình, cung cấp các tiện nghi đời sống hiện đại cho cha mẹ (ăn uống, giải trí, đi lại,...), dù con cái không nói ra hay đòi hỏi, cha mẹ cũng thấy mình bị đẩy vào vị trí thứ yếu trong các quyết định không chỉ về hôn nhân của con cái, mà cả về trật tự gia đình (kinh tế, văn hoá, quan hệ...). Bậc phụ huynh chỉ mơ hồ nhận thấy con cái vượt khỏi tầm tay của mình và những lời răn dạy, khuyên can “truyền thống” thừa thớt dần, ”nhẹ” dần rồi biến mất. Công ăn việc làm, cha mẹ không biết đã đành, mà những môi giao du trong công việc và nhất là trong tình cảm, cũng mù tịt hoàn toàn. Việc dẫn một cô gái hay chàng trai về ‘trình diện’, không nhằm hỏi ý kiến hay xin phép cha mẹ, mà chỉ để giới thiệu. Đồ vỡ là chuyện thường nghe thấy, vì nhiều trường hợp chỉ quen biết sơ sài một

thời gian ngắn, chủ yếu là hợp nhãn và hợp “gu” (ăn chơi, hút xách, đàn đúm,...), mà không tìm hiểu tường tận gia thế (cây tốt vẫn có khả năng trái không tốt, nhưng cây xấu không thể sinh trái tốt), tính tình (ở bất kỳ thời đại nào, dù không giữ quan niệm cực đoan, thì công, dung, ngôn, hạnh vẫn luôn là “câu giữ mình” của nữ giới và nhân, nghĩa, lễ, trí, tín vẫn luôn là nguyên tắc sống và giao tế của mọi người). Phim ảnh góp phần rất lớn trong quan niệm sống của giới trẻ, làm đảo lộn xã hội và làm cho truyền thống mất dần vị trí. Một thời người Á Đông – đặc biệt dân Việt – say mê phim Hàn Quốc, vì khai thác nhiều khía cạnh tâm lý gia đình rất cảm động, với những tình tiết được trình bày khéo léo, giải quyết thấu tình hợp lý những mâu thuẫn rất đời thường trong xã hội, trong gia đình, trong công việc, trong giao tiếp. Các giá trị truyền thống được tôn vinh một cách kín đáo với hy vọng mưa dầm thấm sâu, sẽ phần nào giữ được truyền thống như bộ Hàn phục của dân tộc Hàn hay bộ Kimono của Nhật. Nhưng thời đại ngự trị của loạt phim Hàn Quốc qua mau, nhường chỗ cho những phim “hành động” và “cởi mở” theo kiểu Âu Mỹ, với nhan nhãn phim khiêu dâm hoặc tràn ngập cảnh khiêu dâm, bạo lực, pha nhiều chất thần thoại, hoang đường. Từ những quốc gia, dân tộc giàu truyền thống, hai nước Hàn Quốc và Nhật Bản dẫn đầu thế giới về tỷ lệ tự tử. Hàn Quốc có xu hướng tự tử theo người nổi tiếng và “thủ phạm” chính gây nên làn sóng tự tử là Internet.

Sức mạnh của Internet thì ngày nay không ai có thể phủ nhận. Các nước vùng Trung Đông và Ả Rập vốn tương đối khép kín và cố níu kéo truyền thống đạo Hồi, với những luật lệ hà khắc và bảo thủ - đặc biệt với nữ giới – đã không

ngăn được những đợt sóng thần “cách mạng hoa lài”, vì không thể ngăn chặn Internet mở ra chân trời mới cho giới trẻ, từ văn hoá đến chính trị, từ quan điểm tôn giáo đến nhân sinh quan (và có thể nhìn thấy sự tan rã – disintegration - của đạo Hồi được “học và hành” như hiện nay). Các chính thể độc tài, độc trị đang hết sức lo lắng về sức công phá của Internet và tìm mọi biện pháp để bưng bít. Truyền Thống không là ngoại lệ: những thay đổi đến chóng mặt trong công nghệ thông tin kéo theo những thay đổi lớn lao trong quan niệm sống và gặm nhấm, bào mòn truyền thống.

Trở lại với định nghĩa của Trung tâm Quốc Gia các Nguồn Văn Bản và Tự Điển: ***“Truyền Thống là di sản qua đó quá khứ tồn tại trong hiện tại. Truyền Thống là tổng thể của văn hoá và văn minh với tính chất được lưu giữ và lưu truyền qua các phương tiện và mô thức xã hội hoá”***, quả là khá chính xác. Nó là “di sản”, để cho quá khứ tồn tại trong hiện tại, còn tác động của “quá khứ” này thế nào đối với “hiện tại”, thì phụ thuộc rất lớn vào nhiều yếu tố, trước sự gằn như là bất lực của con người: truyền thống được thanh lọc để sẽ giữ lâu bền những nét tinh hoa của đạo làm người (trong đó có giềng mối gia đình, mà Đạo Hiếu có tầm quan trọng sống còn, dù chữ Hiếu được hiểu ra sao); hoặc sẽ mờ nhạt dần và bị đào thải, khi không còn phù hợp và nhất là không còn được nối tiếp mà bị gián đoạn. Mất xích bị đứt lìa chính là giới trẻ và các thế hệ trẻ. Truyền thống khi ấy có nguy cơ trở thành một kỷ niệm “vang bóng một thời”, nằm chờ bị bụi thời gian phủ dày trong các viện bảo tàng hay thư khố.

Những thực tế này liệu có xảy đến với Truyền Thống Công Giáo?

3. TRUYỀN THỐNG CÔNG GIÁO VIỆT NAM

Là một thực thể trong thế giới, giữa xã hội con người, Giáo Hội được thừa hưởng những thành quả phát triển đi lên của xã hội về mọi mặt, nhưng cũng chịu ảnh hưởng và tác động tiêu cực của xã hội. Trong khi đóng góp một phần rất lớn của mình vào nền văn hoá, văn minh nhân loại, Giáo Hội – [bài viết chỉ thu hẹp trong phạm vi Giáo Hội Công Giáo] – với các cấu trúc trần tục, vẫn tuân thủ những cơ cấu tổ chức hiện hữu ở mỗi thời và chỉ hành xử *quyền* (và bổn phận) nắm giữ chân lý Tin Mừng, thể hiện qua vai trò hướng đạo và điều chỉnh, sửa sai những gì liên quan đến Tín Lý và Luân Lý. Và đó là “truyền thống” của Giáo Hội và trong Giáo Hội. Vì lẽ ấy, Giáo Hội, hay đúng hơn, “truyền thống” Giáo Hội cũng chịu định luật lịch sử đối với những gì nằm trong lịch sử (cấu trúc và tổ chức trần thế). Ở đây, tương cũng nên tách bạch và phân biệt rõ ràng giữa “truyền thống” viết thường và “truyền thống” viết hoa, mà điển ngữ Công Giáo gọi là Thánh Truyền, vốn là một trong các trụ cột của Huân Quyền, thuộc các yếu tố đức tin cốt lõi, thường kèm theo tiền tố “Thánh” (Sainte, Sacred/Holy). Wikipedia định nghĩa Thánh Truyền khá đầy đủ và chính xác: ***“Những lời giáo huấn trong Thánh Truyền không nhất thiết phải được viết ra, nhưng được sống và được lưu truyền bằng cuộc đời của những kẻ sống theo những giáo huấn ấy, theo gương Chúa Kitô và các tông đồ (1 Cr 11,2 ; 2 Tx 2,15). Sự lưu truyền liên tục [những giáo huấn Thánh Truyền] này được gọi là Thánh Truyền sống ; đó là sự lưu truyền các giáo huấn***

của Thánh Truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Từ ngữ « nền tảng đức tin » nhắc đến sự trọn vẹn Mạc Khải của Chúa Giêsu Kitô và được chuyển giao cho các thế hệ kế tiếp dưới hai hình thức khác nhau, Kinh Thánh và Thánh Truyền » [“The teachings of Tradition are not necessarily written down, but are lived and are handed on by the lives of those who lived according to its teachings, according to the example of Christ and the Apostles (I Cor 11:2; II, Tex 2:15). This perpetual handing on of the teachings of Tradition is called a living Tradition; it is the transmission of the teachings of Tradition from one generation to the next. The term "deposit of faith" refers to the entirety of Jesus Christ's revelation, and is passed to successive generations in two different forms, **sacred scripture (the Bible) and sacred tradition (apostolic succession)**”]. Và vì thế, non mutatur (không thay đổi), non tollitur (không mất đi), được lưu giữ, lưu truyền và thi hành trọn vẹn.

3.1. Một Truyền Thống tốt đẹp.

Trong lịch sử Giáo Hội Công Giáo, so với các quốc gia Châu Âu và cả Châu Mỹ, thì Việt Nam vẫn là “hậu bối” về thời gian được truyền bá Đức Tin và Tin Mừng. Nhưng ngày nay, ở Á Châu, Việt Nam chỉ đứng sau Phi Luật Tân về con số tín hữu (khoảng 6,5 triệu # 7% dân số). Con số xin gia nhập Công giáo năm sau cao hơn năm trước và vị thế Công giáo tăng cao cùng với tiếng nói của nhiều bậc trong Giáo Hội Việt Nam về các lãnh vực xã hội, như chính trị, tôn giáo, nhân quyền,... Chắc chắn đó là thành quả của một truyền thống đã bén rễ sâu trong mọi tầng lớp tín hữu, được duy trì và phát huy, nhờ kết cấu chặt chẽ và

hữu hiệu của tổ chức nội tại (inner) của Giáo Hội Công Giáo Hoàn Vũ và Giáo Hội Việt Nam: gắn liền và hoà quyện trong một thể thống nhất cơ cấu hữu hình và vô hình, trần tục và thượng giới. Giáo Hội là thân thể, mỗi tín hữu là chi thể, mà Chúa Giêsu là Đầu. “Truyền Thống Công Giáo” – hiểu sát từ ngữ (literally), do vậy chỉ là được dùng để chỉ một tinh thần sống đạo, chứ không bao hàm nội dung các cấu trúc nội tại, vốn chỉ có phần cơ cấu trần thế (kiến trúc, mô hình [tổ chức] giáo phận, giáo xứ và các công trình vật thể và phi vật thể liên quan) là nằm trong “truyền thống”, do vậy, chịu tác động biến đổi theo lịch sử và thời gian.

Dù Phật giáo đã du nhập Việt Nam ngay từ đầu Công nguyên và đã có những giai đoạn phát triển cực thịnh (đời nhà Lý, nhà Trần rất được coi trọng), nhưng từ thời Hậu Lê, Nho giáo được coi là quốc giáo, trong khi Phật giáo suy thoái. Nho giáo tập hợp và hệ thống hoá những quy tắc hành xử để tạo ra và duy trì một xã hội trật tự và ổn định, xoay quanh hai trục chính là triều đình và gia đình. Tuy theo thời đại, mà những quy tắc này được phát triển hay bị lạm dụng để có lợi cho một chế độ. Vì thế bên cạnh ảnh hưởng “tích cực” không thể phủ nhận được của Nho giáo (còn gọi là Khổng giáo, vì chính Khổng Tử là người có công trong việc tập hợp và hệ thống hoá, được các môn sinh ghi lại trong Bộ Ngũ Thư), thì có thể nói Nho giáo cũng ảnh hưởng “tiêu cực” đến xã hội, chính trị, kinh tế, văn hoá, nhân sinh quan và do vậy đã là rào cản cho sự phát triển các phạm trù này. Và khi mà người ta cho rằng Nho giáo là “tội đồ”, thì “trăm dâu đổ đầu tằm”: cùng với sự sụp đổ của các chế độ vua quan, người ta đã phá Nho giáo, tìm cách loại bỏ hệ tư tưởng truyền thống và vội vàng

lấp chỗ trống to lớn ấy bằng những cái “thời thượng”, “hiện đại”, không gì ngăn cản nổi, cho đến khi – và điều đó đang xảy ra, mau chóng hơn mọi dự đoán – người ta nhận ra khoảng trống và khoảng tối của những chấp vá này còn nghiêm trọng hơn nhiều những ảnh hưởng “tiêu cực” của Nho giáo: các mối tương quan xã hội, gia đình bị phá vỡ; các quan hệ trở nên mong manh, mỏng dòn, khó lòng khôi phục, trong sự tiếc nuối của mọi người; mọi giá trị bị đảo lộn. Tiền tài, vật chất và cuộc sống “duy hiện sinh” (existentialist) đẩy con người đến chỗ tha hoá. Các tiêu chuẩn đạo đức, những phạm trù thánh thiêng, các giá trị luân lý bị đặt vấn đề và bị khoác cho bộ mặt “truyền thống”, nghĩa là phải bị đào thải, biến đi và cần thay thế. Đạo Công Giáo được truyền vào Việt Nam trong bối cảnh Nho giáo đã bén rễ sâu trong xã hội và mọi tầng lớp. Ngoài “sự cố” gây thiệt hại không ít cho việc phát triển và nên một trong các nguyên cớ cho những cấm cách, bách hại Đạo – không dâng bái hương tổ tiên – (ở Trung Hoa còn nặng nề hơn ở Việt Nam),- thì Công Giáo được hưởng lợi rất lớn từ hệ thống tư tưởng và đạo đức theo Nho giáo này: nông nghiệp làm chủ và văn hoá “lũy tre làng” đã tạo nên những xã hội hiền hoà, trọng lễ giáo, kính trên nhường dưới, gia đình trật tự, trong đó “trao thời trung hiếu làm đầu, gái thì trinh tiết là câu giữ mình”. Tam cương, ngũ thường, tam tông, tứ đức luôn được đề cao và không chấp nhận sự phản kháng hoặc hành xử ngược lại. Quan niệm “trung quân ái quốc”, “quân sư phụ” (trên là vua, kế đến là thầy, sau mới là cha), có khi đòi buộc gắt gao cực đoan như “quân xử thần tử, thần bất tử bất trung” (vua xử tội chết, bệ tôi không [chấp hành] chết tức là [mang tội] bất trung với vua), đã tạo nên những luồng tư tưởng đối

ngịch, chẳng khác nào những hỏa diệm sơn ngấm ngấm hoạt động, chờ dịp phun trào, đốt cháy những quan niệm “truyền thống” này. Là dân tộc có nguồn gốc theo mẫu hệ, nhưng người nữ Việt Nam chỉ giữ vai trò thứ yếu trong xã hội và gia đình với sự phục tùng gần như tuyệt đối – không khác bao nhiêu so với vị trí phụ nữ Hồi giáo – một mặt góp phần tạo nên sự ổn định xã hội, mặt khác cũng tiềm ẩn nguy cơ bất ổn trong xã hội, nhất là trong gia đình – và cả trong Giáo Hội Việt Nam – với phong trào bình đẳng giới, giải phóng phụ nữ. Vì quả thật, vai trò nữ giới (các bà mẹ Công Giáo) trong việc giáo dục đức tin, duy trì nền tảng đạo đức và đạo hạnh trong gia đình (có thể gọi là “truyền thống Công giáo”), đôn đốc giữ và thực hành Đạo (kinh, lễ, sinh hoạt các lớp giáo lý, đoàn thể, sự kính trọng và giúp đỡ các Vị phục vụ Nhà Chúa – linh mục, tu sĩ - ...) là yếu tố hết sức quan trọng và sống còn. Do vậy, khi nữ giới đi vào xã hội, không chấp nhận gò bó và khép kín trong sinh hoạt gia đình (nội trợ) nữa, mà chỉ chăm chú, hăng say với các hoạt động xã hội (chính trị, kinh tế), thì chính gia đình và tôn giáo là hai đối tượng bị thiệt thòi nhất.

Những ngày này, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đang họp Đại Hội thường niên kỳ I/2012. Trong nghị trình, có đề cập đến việc xem xét và phê duyệt Quy Chế Hội Đồng Giáo Dân (Ban Hành Giáo, Hội Đồng Giáo Xứ), mà bản văn hỏi ý kiến chính thức được đưa lên mạng cách nay ít tháng. Vẫn chỉ là “bỏ cũ” trong cái vỏ có vẻ mới, mà những ban soạn thảo có thể tưởng là ‘dân chủ’, kỳ thực hết sức “bảo thủ” và vẫn không thoát được não trạng giáo dân là thành phần “xin - cho”, nhận và thi hành lệnh, phục tùng nhưng không vì đã được Giáo Hội “ban” ‘nhưng không’,

phục vụ “nhưng không”. Một văn bản mà chưa chắc các Vị đã đọc qua hết bố cục (nói chi Nội Dung được trình bày rất lộn xộn và duy ý chí). Cái gây trì trệ nhất cho Giáo Hội nói chung, cách riêng cho Giáo Hội Việt Nam và đặc biệt là hàng linh mục Việt Nam, là vật chất (tài sản, tiền bạc) thì vẫn là độc quyền của linh mục (quản xứ), tùy nghi sử dụng (khi cần thủ tục “hợp pháp hoá” thì có ngay chữ ký của HĐGX). Giáo Hội Việt Nam cứ thế giàu lên, không chỉ dấn vào vết xe cũ, mà còn như thách thức những đổi thay lớn lao trong Giáo Hội Toàn Cầu khi khắp nơi cố gắng rũ bỏ sự dính líu sâu tới vật chất, tiền tài, để tập trung vào “đạy dỗ, tha thứ, an ủi, tế lễ, và kết hợp mỗi tình yêu mến ràng buộc lòng Chúa với loài người ta” (*kinh cầu cho các linh mục*). Tức là tích cực SỐNG ĐỨC NGHÈO KHÓ.

Một ví dụ nhỏ: mới năm 2011, phần đông giáo xứ Hoa Kỳ vẫn dùng câu thưa “và ở cùng Cha” (and also with you), nhưng từ đầu năm 2012, câu thưa này đồng loạt đổi lại [thực chất là dịch cho đúng nguyên bản phụng vụ Giáo Hội] trong mọi Nhà Thờ Mỹ: “and also with your spirit” (và cũng ở với tâm hồn Cha). Việc Giáo Dân – HĐGX – nhận, thu, chi mọi khoản trong giáo xứ - (có hợp bàn và ý kiến của linh mục QUẢN NHIỆM) đã thành nề nếp. Hình ảnh các linh mục Mỹ “thoát tục”, được giáo dân quý trọng, rất tự nhiên, quen thuộc. Các linh mục người Việt - ở Việt Nam hay ở hải ngoại - vẫn chưa tài nào thoát được ão trạng thâm căn cố đế ấy. Đúng hơn, các Vị không đủ can đảm lột xác, dứt bỏ một thói quen, một nếp nghĩ, một lối sống mà BIẾT CHẮC đã và đang làm hại vô cùng cho Giáo Hội và cho chính các Vị. Giải pháp cho vấn đề không thiếu- nhiều là đàng khác – song quan trọng là các Giám

Mục và Linh Mục có quyết tâm đi theo Chúa Kitô trong cuộc sống NGHÈO KHỔ không!

3.2. Một truyền thống bị lợi dụng và lạm dụng.

Người ta dễ bị ru ngủ và tự an ủi, tự trấn an mình, khi nhìn vào những Thánh Đường chật ních trong các ngày Lễ Chúa Nhật và Lễ Buộc. Số người chịu các Bí Tích vẫn đông. Các lớp sinh hoạt, giáo lý vẫn tấp nập. Sau những giai đoạn khó khăn, các sinh hoạt tôn giáo (lễ hội, rước kiệu, hành hương) được tương đối thoải mái, “dễ thở” hơn. Và người ta ngủ say trên chiến thắng, bất động và bất biến trong một thế giới đầy biến động, đòi hỏi thay đổi hằng ngày. “Hãy tỉnh thức” không chỉ vì Chúa đến bất ngờ, mà còn – và chủ yếu – vì không để “kẻ trộm đào ngạch khoét vách”. Satan không mệt mỏi đào bới, phân rẽ, phá hoại, lợi dụng mọi kẻ hở để gây hại cho Giáo Hội, qua tín hữu. Điều đáng sợ nhất mà Satan thành công gieo vào lòng các tín hữu, ấy là sự trì trệ, tâm lý “hãy để ngày mai”, rằng “còn nhiều thời giờ”, việc này đâu thể giải quyết một mình và ngày một ngày hai”. Những suy nghĩ này vẫn kéo dài và ngày có vẻ như một dấu chấm hết, khi được khoác mặt nạ: **PHÓ DÂNG CHO CHÚA!**

Một linh mục quản nhiệm một giáo xứ lớn ở Tây Nguyên (Việt Nam) thổ lộ “bí quyết” giúp ngài thành công trong việc cai quản, là “nắm được các bà”: sự ổn định, phát triển [theo nghĩa của ngài là “xây dựng”, tổ chức lễ hội] và đời sống vật chất của linh mục quản xứ được bảo đảm khi nắm được...hầu bao của các bà mẹ trong giáo xứ. Quả không sai! Sức sống của một giáo xứ tùy thuộc vào mức độ tham gia của giáo dân và nhân tố thúc đẩy, duy trì sức sống ấy,

chính là nữ giới, được gọi chung dưới tên “bà mẹ Công Giáo”, thường lấy Thánh Nữ Monica làm Bản Màng. Nhưng việc chỉ lợi dụng – pha chút không coi trọng gì – và không tìm cách nâng cao mọi lãnh vực cho nữ giới, nhất là trước phong trào nữ quyền vốn bị lái lệch lạc, không hướng dẫn chị em hiểu và sống phù hợp “các dấu chỉ thời đại”, đã khiến (và biến) các bà mẹ Công giáo thành người phục vụ, mà không còn là những nhà giáo dục căn bản, không còn ảnh hưởng nhiều đến con cháu và mau chóng chịu cảnh “con cái đặt đâu, cha mẹ ngồi đấy”. Giới trẻ - con, cháu – dễ đánh đồng Đạo và các thực hành Đạo với Bà, Mẹ. Chúng kính trọng bao lâu cần phải và sẵn sàng “thoát ly” khi cần, khi đến lúc. Muốn đánh giá mức độ “truyền thống giữ Đạo”, hãy nhìn thanh thiếu niên tham gia phụng vụ, cả chất lượng (thái độ phụng vụ, tự nguyện và xác tín) lẫn số lượng. Sự thật đau lòng, là cả hai chỉ số ấy đang xuống thấp trầm hại. Cây ăn trái mà chỉ biết khai thác, hưởng dùng, không chăm chú coi sóc, bồi bổ, thì chẳng thể bền lâu.

Tâm lý “ăn xổi ở thì”, - chỉ nhìn cái lợi trước mắt - tiếc thay, lại bám chặt vào não trạng số đông hàng giáo sĩ người Việt. Chúng ta giật mình trước việc các linh mục tỏ ra “cảm thông”, “chịu chơi”, khi chỉ dạy qua loa cho anh chị em tân tòng, rồi cho chịu Bí Tích Rửa Tội; hay một “khoá” Giáo Lý Hôn Nhân chỉ gồm năm ba giờ học “cho có lệ” và cho nhận Bí Tích Hôn Phối mau lẹ, “quên mất” rằng các đôi hôn nhân phải tường tận Giáo lý Công Giáo, để giúp họ sống hôn nhân trọn vẹn, thánh thiện và giáo dục con cái theo Ý Chúa và Giáo Hội. Một nhiệm vụ kếp nặng nề như thế, mà linh mục coi nhẹ và làm chiếu lệ. Thử hỏi

làm sao chống lại được các “chấn động” ghê gớm đang diễn ra trong xã hội ngày nay, với bàn tay đạo diễn của Satan: ly dị, nạo phá thai, kết hợp đồng tính, an tử, tự tử, cấm đồ vật chất xác thịt, v.v... Chẳng khác nào “đem con bỏ chợ”: Ai sẽ chịu trách nhiệm? – Không ai cả!

Truyền thống đạo đức nơi người Việt được truy rèn và bén rễ sâu. Đó là điều mọi tín hữu người Việt phải tạ ơn Thiên Chúa, song Chúa cần đến sự cộng tác của con người, mà nhiệm vụ hàng đầu chắc chắn là của các mục tử: Giám mục và Linh mục. Ý y vào những thành quả đang có, đang được hưởng, mà quên đi hoặc lơ là với việc vun trồng, chăm nom và phát triển, thì một ngày không xa, truyền thống ấy sẽ chỉ còn là cái bóng mờ, một kỷ niệm để chúng ta tiếc nuối trong bất lực. «Hãy đi khi trời còn sáng.»

Chắc chắn không có linh mục nào thời đại này còn giữ suy nghĩ “ngu dân” để dễ bề cai trị, giống như một số chế độ đang hoặc đã từng làm, cũng như không còn quan niệm linh mục là người toàn tri (omniscient), thông tỏ mọi sự. Ngay cả những lãnh vực dành riêng cho linh mục, như nghiên cứu Kinh Thánh, Thần Học, Giáo Luật, Phụng vụ,....., ngày càng có nhiều chuyên gia với chuyên môn và bằng cấp cao hơn đa số các linh mục. Ở đây cũng xin nhận định rằng: rất nhiều linh mục bằng lòng với những kiến thức nhận được trong chủng viện, và viện nhiều có để không còn nghiên cứu, đọc sách, viết bài sau khi thụ phong linh mục. Một số hài lòng với những bổ sung ít ỏi, căn bản trong các dịp thường huấn.

4. GIẢI PHÁP NÀO ĐỂ DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN TRUYỀN THỐNG

4.1. Bỏ tan ca đêm, mẹ vào ca sáng

Trong một bài viết đầu năm nay, tôi đã có dịp tai nghe mắt thấy (và giới thiệu) một giáo xứ giữ vững “truyền thống” và tuân giữ Luật Hội Thánh: hơn 50 năm toàn giáo xứ và mọi giới “không làm việc xác này Chúa Nhật cùng các ngày lễ buộc”. Thật hi hữu và đáng khâm phục, noi gương. “Kỳ công” này không phải do công của một cá nhân (dù cho đó là cha cố quản xứ thánh thiện Nguyễn Văn Kiều), mà là sự hiểu biết, xác tín, cố gắng và hy sinh của mỗi giáo dân thuộc giáo xứ Vinh Hà (xã Bình Giả), giáo phận Bà Rịa, dưới sự hướng dẫn, đôn đốc, nêu gương và cầu nguyện của vị mục tử đáng kính này. Giáo dân phải tin tưởng đến mức nào, để dám cưỡng lại cám dỗ “làm việc ngày Chúa Nhật và các ngày Lễ Buộc”, khi mà rất nhiều công việc buôn bán, giao dịch làm ngày Chúa Nhật sẽ đem lại lợi nhuận to lớn (hơn là ngày thường) và việc “làm việc xác ngày Chúa Nhật” gần như mặc nhiên được chấp nhận (dù không đáng bậc nào công nhận) trong Giáo Hội Việt Nam.

Ngày nay, những vần thơ cấp I trên đây lột tả hết tình huống xã hội và kinh tế mà nhiều gia đình đang phải đương đầu, trong đó không loại trừ những gia đình Công giáo. Con cái chứng kiến cảnh mẹ vào ca sáng, trong khi bỏ tan ca đêm, không gặp được nhau hay không có nhiều thời giờ bên nhau. Gia đình đứng trước thử thách khá nghiệt ngã này trong xã hội công nghiệp. Kèm theo đó là những cám dỗ tình dục khi ngày ngày xa vợ xa chồng, lại thường xuyên tiếp xúc với đồng nghiệp khác giới đều đặn và lâu dài. Bàn ăn hiếm khi đủ mặt cả nhà; nói chi giờ Kinh Tối, giờ cầu nguyện, trong gia đình Công giáo, vốn là những điều luôn được thực hiện và gắn liền với ý niệm gia đình,

trở thành sinh hoạt không thể thiếu của một gia đình và mỗi gia đình Công giáo. Chúng làm nên “truyền thống” gia đình Công Giáo. Mục vụ gia đình đã không chú tâm đến khía cạnh đáng sợ này và nhiều gia đình bị phân tán, đổ vỡ vì không được thăm nom, hướng dẫn, động viên.

4.2 Tầm quan trọng của bữa cơm tối và giờ Kinh Tối gia đình.

Bữa cơm tối và Giờ Kinh Tối gia đình Công giáo phải được khuyến khích, duy trì tối đa và ngoại trừ những trường hợp cụ thể bất khả kháng, thì phụ huynh phải để tâm tô chức giờ Kinh Tối hợp lý, cả về thời giờ lẫn nội dung, sao cho mọi người trong nhà thấy thoải mái, tự nguyện, chứ không chán nản, gò bó, bị ép buộc. Buổi tối ai cũng phải trở về nhà. Giải thích, động viên để ai nấy đều có mặt quanh mâm cơm, rồi sau đó – với cách bố trí thời giờ hợp lý, không kéo dài quá 15 phút - là những thời khắc cùng nhau ca tụng và tạ ơn Thiên Chúa, cũng như phó dâng trong tay Chúa mỗi cá nhân và toàn gia đình. Không chỉ lòng đạo, đức tin, mà ngay chính công việc, hạnh phúc gia đình được tăng tiến, bền vững và trên hết là niềm vui thánh thiện luôn tràn ngập gia đình. Quan sát gia đình ở nước ngoài, sự xa cách, thiếu tình thương, đến từ những bữa cơm – không chỉ bữa tối – mà ông bà hoặc cha mẹ nhìn nhau thờ dài, nuốt vôi chén cơm (và cả nước mắt). Quanh năm suốt tháng là như thế. “Truyền thống gia đình” (nếu có) bị gián đoạn, bị từ chối. Lòng hiếu thảo chỉ còn lại ở việc cung cấp lương thực và tiện nghi đời sống tối thiểu, theo khả năng tài chính và công ăn việc làm của con cái (cho dù trên thực tế, con cái đi làm được hoàn thuế không nhỏ khi khai nuôi nấng cha mẹ già – financial

support – nôm na không mấy đẹp, là “lấy mỡ rán thịt” mà thôi!). Điều này cũng nên được các Đấng quan tâm đôn đốc, không phải để thành phong trào, mà để xây dựng và duy trì một “truyền thống” tốt đẹp, mà chính giáo xứ, Giáo Hội được hưởng thành quả. Khi người người, nhà nhà cùng quy tụ cho bữa cơm tối và giờ Kinh Tối, thì nhiều thói hư tật xấu sẽ mất dần và những người làm khác đi sẽ tự thấy trở trên, cô độc và hổ ngươi. Ở một số nơi lợi dụng sự nói lỏng tự do tôn giáo, đã có giờ Kinh Tối chung toàn giáo xứ mỗi tối, được phát đúng giờ và mọi gia đình quen dần bố trí thời giờ, công việc để hoà chung lời cầu nguyện. Dĩ nhiên phải là xứ toàn tòng, để không xâm phạm quyền tự do và sự nghỉ ngơi của những anh chị em ngoài Công giáo. Mọi con đường đều dẫn về La Mã. Bất cứ việc gì làm để tôn vinh Chúa và mưu ích cho cộng đoàn Dân Chúa, đều nên được suy nghĩ, quan tâm, chăm chút. Một chi tiết cần lưu ý trong giờ Kinh Tối, là không được bỏ qua Kinh Thánh và Chuỗi Hạt Mân Côi. Lòng tôn sùng Đức Mẹ vốn là truyền thống của mọi tín hữu Việt Nam và cũng chính lòng tôn sùng đặc biệt này giúp duy trì bền vững truyền thống đạo đức Công giáo của người Việt.

5. BỎ ĐI HAY GIỮ LẠI ?

Hạnh phúc thay xã hội, gia đình có được truyền thống. Nó làm cho những con người của xã hội ấy, dân tộc ấy, gia đình ấy biết mình có cội nguồn, có những liên kết mật thiết “máu đào hơn ao nước lã”, không phải là “óc đảo”! Truyền thống càng có chiều dài lịch sử, càng chứng tỏ sức sống mãnh liệt của dân tộc ấy, gia đình ấy. Nó giúp phát huy “tính người” và tình người trong mỗi cá thể, và kèm theo đó là ý thức trách nhiệm đối với ‘quần thể’ ví những cá thể

khác thuộc ‘quần thể’ ấy, đồng thời được hưởng những lợi ích tinh thần, vật chất mà xã hội liên kết ấy mang lại. Truyền thống vốn ‘không tên’, bằng bạc tiền ẩn và thâm nhuần vào cuộc sống của mỗi người. Tuy thế, một cá thể vô tình hay hữu ý gạt bỏ truyền thống (cha ông), sẽ thấy mình mất dần ý nghĩa và lý tưởng sống, để chỉ còn là một con số, vô nghĩa và lạc lõng, cô đơn và phơi mình cho những tác động xấu của xã hội không truyền thống, duy vật chất. Hẳn chúng ta đã nghe câu nói: nếu bạn bắn vào hiện tại bằng súng ngắn, thì tương lai sẽ bắn vào bạn bằng đại bác! Quan niệm sống bất cần và bất chấp truyền thống ấy – vô tình hay hữu ý – đều phải trả giá, khi các thế hệ sau (mà trực tiếp là con cháu họ) đối xử vô tâm, vô tình với chính họ, chứ không chỉ “con cái đặt đâu, cha mẹ ngồi đấy”. Lòng yêu nước, tình đồng bào, tình thâm gia đình, chỉ có được khi người ta có và sống ‘truyền thống’, chất lọc và trân trọng những gì là tinh hoa và bỏ đi những điều được du nhập theo thời gian, khiến cho truyền thống nên rườm rà, nặng nề, thậm chí khó lòng chấp nhận. Thái độ khắt khe cực đoan, chê trách, đả kích và gạt bỏ truyền thống chứng tỏ sự thiếu bản lĩnh, sự vô ơn và thật đáng trách. Song cũng đáng trách không kém, là những người hiểu truyền thống không theo cách “gìn vàng giữ ngọc”, mà chỉ tự an ủi rằng ‘giấy rách phải giữ lấy lề’. Cái lề sờn cũ ấy liệu sẽ giữ được bao lâu? Quan niệm như thế, sống như thế, chẳng khác nào đào mồ chôn truyền thống. Cái giá phải trả thì không ai không nhận thấy, cả trong xã hội, lẫn trong tôn giáo. Không có luật trừ cho Công Giáo! Giới trẻ, thế hệ kế thừa, (mà không ít những người có trách nhiệm quan tâm, giáo dục coi là ‘bất trị’, ‘đáng thất vọng’) đang xa dần truyền thống, có nghĩa là xã hội, gia đình do

họ - mà giới trẻ thế hệ kế thừa – xây dựng, làm chủ, sẽ chẳng mặn mà gì với truyền thống. Đừng trách sao giới trẻ Công Giáo ngày càng xa lánh ‘nhà thờ’ (phụng vụ, sinh hoạt hội đoàn, và nhất là các Bí Tích), khi mà những người có trách nhiệm vẫn không thay đổi quan niệm, vẫn khư khư sống trong náo trạng bảo thủ, trì trệ, độc tôn độc đoán, tự tại, dễ dãi, thay vì coi đó là mục tiêu cao nhất, quan trọng nhất trong công tác mục vụ của mình. Từ “mục vụ” (pastorale) chẳng phải là “công việc chăm sóc đoàn chiên” sao? Mục tử nào chỉ biết khai thác, tận hưởng (‘bú sữa’) từ đoàn chiên, mà không tận tình, tận lực vì đoàn chiên, thì có khác gì bọn trộm đạo! Giữ vững, phát huy được truyền thống, chắt lọc tinh hoa, gạt bỏ những thêm thắt, cặn bã, cũng chính là hỗ trợ mạnh mẽ cho việc xây dựng và củng cố xã hội, gia đình và Giáo Xứ.

Trên hành tinh này, không thiếu những dân tộc không có hoặc đánh mất truyền thống. Cái giá phải trả không hề nhỏ! Các nước Châu Âu đánh mất căn tính Kitô-giáo của mình. Với Châu Âu, căn tính Kitô giáo chính là truyền thống. Mất đi truyền thống, Châu Âu trở thành châu lục lạnh lẽo, làm môi cho đủ thứ xấu xa tệ hại, những lệch lạc trong tư duy và nhân sinh quan, về cả tín lý lẫn luân lý. Giáo Hội Công Giáo Châu Âu dường như bó tay thúc thủ, nhìn những cộng đoàn ngày càng vơi đi mau lẹ, xa dần Giáo Hội, đứng đưng và thậm chí đối địch với Giáo Hội. Người ta thường nói đùa: to begin by the beginning (bắt đầu từ đầu/bắt đầu từ nguyên do). Song, hàng bao thế kỷ trôi qua, Giáo Hội Châu Âu đã làm được gì cho việc “gìn vàng giữ ngọc” căn tính Kitô giáo, thay vì chạy theo chủ nghĩa duy lý (idealism), chạy theo “thị hiếu”, để khi tỉnh

giác, nhận ra sự hụt hẫng, nhận thấy hố sâu mênh mông giữa xã hội trần thế và Đạo, và không biết phải bắt đầu lại từ đâu! Đức Thánh Cha Biển Đức XVI thấy rõ điều ấy từ lâu, cho nên khi lên ngôi Giáo Hoàng, với tâm tình mục tử nhân lành, với tấm lòng một người cha nhân hậu yêu thương và cũng với tình cảm sâu rộng với châu lục và đất nước cội nguồn của Người (Đức quốc), Người không ngừng kêu gọi, nhắc nhở, nhắc nhở (và cả chỉ thị cho các Hội Đồng Giám Mục) phải quay về với căn tính Kitô giáo. Trong những buổi triều yết riêng các phái đoàn ngoại giao các quốc gia Châu Âu – bất kể con số tín hữu Công giáo ở quốc gia đó thế nào – Đức Biển Đức XVI luôn nhấn mạnh đến “căn tính Kitô giáo” (Christian identity) và giọng điệu của Người không hề là lời khuyên, mà là lời yêu cầu, hàm chứa một cảnh báo, một mệnh lệnh. Truyền thống (căn tính) Kitô giáo không giữ được, thì hiện tại và tương lai của các quốc gia và các dân tộc Châu Âu chắc chắn sẽ đen tối. Bất cứ ai cũng dễ dàng nhận ra điều đó, nhưng ai là người sẽ bắt tay vào hành động? Câu hỏi này xin dành ưu tiên cho các Đấng Bậc trong Giáo Hội, đặc biệt Giáo Hội Việt Nam, dường như đang theo vết xe đổ của Giáo Hội Châu Âu! Xin đừng “phó thác” (thực chất là “quy lỗi”) hết cho Chúa!

Yuse Nguyễn-Thế-Bài

[Tác giả gửi trực tiếp cho GDHT]

LÒNG ĐẠO ĐỨC BÌNH DÂN VỪA LÀ CÁCH SỐNG ĐẠO VỪA LÀ ĐƯỜNG LỐI TRUYỀN GIÁO

VÀO ĐỀ

Trong đời sống người Công Giáo có hai hình thái cũng là hai lãnh vực biểu lộ lòng tin và phụng thờ Thiên Chúa: Đó là trong cử hành Phụng Tự chính thức của Giáo Hội và trong thực hành lòng đạo đức bình dân. Cả hai hình thái hay hai lãnh vực trên đều quan trọng và cần thiết, nên cả hai đều cần được hiểu rõ và thực hành đến nơi đến chốn.

Trong loạt bài TRUYỀN GIÁO TẠI VIỆT NAM, chúng ta đã có hai bài 19 & 21 đề cập đến Phụng Vụ Lời Chúa và bài giảng Chúa Nhật và việc cử hành các Bí Tích và Á Bí Tích như là đường lối Truyền Giáo chính thống của Giáo Hội Công Giáo. Bài này sẽ nói về giá trị của “lòng đạo đức bình dân” như là một đường lối khác của công cuộc loan báo Tin Mừng và đồng thời cũng là một cung cách sống đạo của người Ki-tô hữu.

TRÌNH BÀY

I. TÌM HIỂU VỀ LÒNG ĐẠO ĐỨC BÌNH DÂN.

1.1 Môi tương quan giữa đời sống cầu nguyện và lòng đạo đức bình dân của người Ki-tô hữu.

Theo Công Đồng Vatican II thì đời sống cầu nguyện của Giáo Hội tập trung vào mọi cử hành Phụng Vụ, vì đó là “hành động của Đức Ki-tô linh mục và của thân thể Người là Giáo Hội”, không một hình thức phụng tự nào khác có

thể thay thế được, “mọi việc cử hành phụng vụ đều là hành vi chí thánh và không một hành vi nào khác của Giáo Hội có hiệu lực bằng, xét cả về danh hiệu lẫn đẳng cấp” (Hiến Chế Phụng Vụ Thánh, số 7) Tuy nhiên các Nghị Phụ Công Đồng cũng công nhận rằng: “đời sống thiêng liêng không chỉ giới hạn trong việc tham dự Phụng Vụ Thánh. Bởi vì người Ki-tô hữu được mời gọi cầu nguyện chung, nhưng cũng phải vào phòng riêng âm thầm cầu nguyện cùng Chúa Cha, hơn nữa phải cầu nguyện không ngừng như lời vị Sứ đồ đã dạy” (Hiến Chế Phụng Vụ Thánh, số 12). Những hình thức cầu nguyện riêng tư đó được gọi là: lòng đạo đức bình dân (1).

1.2 Thế nào là Lòng Đạo Đức Bình Dân?

Lòng đạo đức bình dân không phải là một hình thức cầu nguyện dành cho dân dã thuộc giới bình dân, nhưng là một phương thức cầu nguyện dành cho hết mọi tín hữu, dù tín hữu đó là một nhà bác học hay nông dân, là giáo hoàng hay người giáo dân bình thường.

Gọi là đạo đức bình dân để phân biệt với Phụng Vụ Thánh là “sinh hoạt tột đỉnh mà Giáo Hội hướng tới” và là “nguồn mạch tuôn trào mọi năng lực của Giáo Hội” (Hiến Chế Phụng Vụ Thánh, số 10).

Phụng Vụ Thánh bao gồm việc cử hành Bí Tích Thánh Thể, các bí tích và các Á Bí tích, các cử hành khác của Giáo Hội như đọc kinh theo Các Giờ Kinh Phụng Vụ, những nghi thức mai táng Ki-tô hữu, nghi thức cung hiến thánh đường hay nghi thức tuyên khấn dòng dành cho các tu sĩ nam nữ. Chính Đức Ki-tô hành động trong Phụng Vụ,

cho nên hành động của Giáo Hội như là Thân thể của Người trong Phụng Vụ chính là tham gia vào hành vi cứu rỗi của Chúa Ki-tô thượng tế (x. Hiến Chế Phụng Vụ Thánh, số 7) (2).

1.3 Những hình thái thông thường của Lòng Đạo Đức Bình Dân.

Lòng đạo đức bình dân là phương cách cầu nguyện nhằm “biểu lộ đức tin nhờ những yếu tố văn hóa của môi trường cụ thể, qua việc diễn tả và khơi gợi một cách mạnh mẽ và hữu hiệu tình cảm của những ai cùng sống trong môi trường đó”, bởi đó lòng đạo đức bình dân được diễn tả qua nhiều hình thức đa dạng và biến đổi hoặc nảy sinh thêm tùy theo suy tư thần học hay hoàn cảnh chính trị, xã hội của từng thời đại nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống thiêng liêng của người tín hữu. Ít người biết đến nguồn gốc lòng đạo đức bình dân mang tính cổ xưa. Có thể ghi nhận sự hiện hữu của lòng đạo đức bình dân trong thế hệ Ki-tô tiên khởi: “những thứ này trước hết phát xuất từ truyền thống Do Thái; hơn nữa phù hợp với gương sáng của Chúa Giê-su và của Thánh Phao-lô, những sáng kiến này của các Ki-tô hữu tiên khởi khơi nguồn cảm hứng từ những lời khuyên của các Ngài là phải dâng lời cầu nguyện liên lỉ (x. Lc 18,1; Rm 12,12; 1 Tx 5,17) lên Thiên Chúa để đạt được hoặc khởi sự mọi điều trong việc tạ ơn (x. 1 Cr 10, 31; 1 Tx 2, 13; Cl 3,17). Người Do Thái đạo đức bắt đầu ngày sống của mình bằng việc ngợi khen và cảm tạ Thiên Chúa, và họ làm mọi việc trong tinh thần đó suốt cả ngày. Như thế mọi thời điểm, dù vui dù buồn, đều là cơ hội để dâng lên một lời kinh ca ngợi, cầu xin hay tạ lỗi. Các sách Tin Mừng và những bản văn khác trong Tân Ước đều chứa

đựng những lời khấn nài dâng lên Chúa Giê-su; và khi những lời ấy được tín hữu lập đi lập lại bên ngoài bối cảnh Phụng Vụ, thì đã ít nhiều trở thành các kinh nguyện tắt, nhờ đó họ bày tỏ lòng sùng mộ của họ tập trung vào Chúa Ki-tô. Ta có thể nghĩ rằng các tín hữu đã có thói quen lập lại những cụm từ trong Kinh Thánh như: ‘Lạy Chúa Giê-su, con vua Đa-vít, xin thương xót con’ (Lc 18,38); ‘Lạy Chúa Giê-su, nếu Chúa muốn, Chúa có thể chữa lành con’ (Mt 8,1); ‘Lạy Chúa Giê-su, xin nhớ đến con khi Chúa vào Nước Chúa’ (Lc 23,42); ‘Lạy Chúa và là Thiên Chúa của con’ (Ga 20,28); ‘Lạy Chúa Giê-su, xin đón nhận linh hồn con’ (Cv 7,59). Hình thức đạo đức này sẽ trở nên khuôn mẫu, từ đó triển khai nên vô vàn lời kinh mà tín hữu ở mọi thời dâng lên Đức Ki-tô”.

Một ít hình thức lòng đạo đức bình dân như kinh Mân Côi và áo Đức Bà được thích nghi từ những thực hành trong dòng tu. Thí dụ như một lời kinh ca tụng Đức Ma-ri-a được trước tác từ trình thuật Truyền Tin của Lu-ca được khám phá trên các mảnh gốm vào thế kỷ III tại một di tích lịch sử của tu viện Coptic: “Kính mừng Ma-ri-a, đầy ơn phúc, Chúa ở cùng bà, cả Chúa Thánh Thần nữa. Thầy cả của bà mặc áo công chính. Những kẻ tôn kính bà sẽ vui mừng hơn hở. Lạy Chúa, vì Đa-vít tôi tớ Chúa, xin Chúa hãy cứu vớt dân Người; hãy chúc phúc phần dân Chúa chọn. Kính mừng Đấng đồng trinh vinh hiển, Ma-ri-a đầy phúc. Chúa ở cùng bà. Bà có phúc hơn mọi người nữ. Và phúc thay hoa quả lòng bà; vì Đấng bà thụ thai chính là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa, Đấng cứu chuộc linh hồn chúng con”.

Một số thực hành lòng đạo đức bình dân nhằm đến việc sùng kính Thánh Tâm Chúa Giê-su và Ảnh tượng hay Ảnh Làm Phép Lạ, được xem như có nguồn gốc trong những mặc khải tư, có nghĩa là qua một số thị kiến hay sứ điệp được trao ban cho một người tín hữu.

Vì lòng đạo đức bình dân được nảy sinh nhằm đáp ứng những nhu cầu thiêng liêng của người tín hữu trong những nền văn hóa khác nhau, nên lòng đạo đức bình dân mang nhiều sắc thái đa dạng thay đổi theo thời gian và tùy theo nền văn hóa. Khi nói về sự đa dạng trong việc sùng kính Đức Ma-ri-a, Đức Phao-lô VI đã giải thích rằng: Giáo hội “không tự trói mình với bất cứ một sự diễn tả riêng tư nào của một thời kỳ văn hóa cá thể hay là với những ý niệm nhân loại học riêng biệt làm nền tảng cho những sự diễn tả ấy. Giáo Hội hiểu rằng một sự diễn tả tôn giáo bên ngoài, tuy tự nó là hoàn toàn đúng, nhưng có thể ít thích hợp hơn cho những người nam và người nữ của những thời đại và của những nền văn hóa khác nhau”.

Các hình thức của Lòng đạo đức bình dân qui chiếu vào những đối tượng sau đây:

* **Chúa Giê-su:** lòng đạo đức bình dân đặc biệt tập trung vào khuôn mặt của Đức Ki-tô với các hình thức: Tôn sùng Trái Tim Chúa, Kiệu và châu Thánh Thể, Chặng Đàng Thánh Giá, việc diễn tả Biến Cố Nhập Thể, Cuộc Thương Khó và Sự Phục Sinh Chúa, v.v...

* **Đức Mẹ Ma-ri-a:** việc tôn sùng Đức Ma-ri-a rất đa dạng như: dành riêng ngày thứ bảy để kính nhớ Đức Mẹ; Tuần

Tam Nhật, Thất Nhật, Cửu Nhật; tháng Đức Mẹ với các hình thức tôn sùng phong phú, các kinh về Đức Mẹ đặc biệt như: kinh Truyền Tin, kinh lạy Nữ Vương Thiên Đàng, kinh Mân Côi, các Kinh cầu Đức Mẹ, ở Việt Nam có kinh “Đức Mẹ La Vang”; việc tận hiến cho Đức Mẹ; việc mang áo Ca-mê-lô và những áo khác; việc mang trong mình hoặc trưng bày trong nhà các ảnh tượng Đức Mẹ, các trung tâm hành hương về Đức Mẹ, v.v...

* **Các Thánh** được trình bày đặc biệt qua các kinh, như kinh cầu, ở Việt Nam có kinh Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, những cuộc rước ảnh các Thánh, những Tuần Tam Nhật, Thất Nhật, Cửu Nhật, việc tôn kính ảnh tượng, v.v...

* Việc chuyển cầu cho những người đã qua đời, đặc biệt ở Việt Nam có kinh giỗ cầu cho người thân đã qua đời nhân dịp 30 ngày, một năm, hay hàng năm (3).

II. GIÁO HUẤN CỦA GIÁO HỘI VỀ LÒNG ĐẠO ĐỨC BÌNH DÂN

2.1 Giáo huấn của Đức Giáo Hoàng Phao-lô VI:

“Ở đây chúng ta đụng chạm đến một khía cạnh của công cuộc Loan Báo Tin Mừng mà chúng ta không thể không quan tâm. Chúng tôi muốn nói đến điều mà ngày nay thường được gọi là LÒNG ĐẠO ĐỨC BÌNH DÂN (popular religiosity).

Lòng đạo đức bình dân tìm ra những cách biểu lộ đặc biệt của việc tìm kiếm Thiên Chúa và của lòng tin, cả trong những vùng mà Giáo Hội đã được thành lập hàng trăm năm, cả trong những vùng mà Giáo Hội đang được hình

thành. Trong một thời gian dài, những cách diễn tả này đã được xem là thiếu tinh tuyền và đôi khi bị khinh thường, nhưng ngày nay chúng đã được tái khám phá ở khắp mọi nơi. Trong Thượng Hội Đồng Các Giám Mục mới đây các Giám mục đã nghiên cứu ý nghĩa của những cách diễn tả lòng đạo đức bình dân với tinh thần thực tế và lòng nhiệt thành mục vụ rất đáng kể.

Hẳn nhiên là lòng đạo đức bình dân có giới hạn của nó. Lòng đạo đức bình dân thường bị xâm phạm bởi những méo mó về tôn giáo và mê tín dị đoan nữa. Thường nó dừng lại ở mức độ của hình thái phụng tự không phải do lòng tin. Nó cũng có thể đưa đến chỗ phát sinh những giáo phái và làm nguy hại cho cộng đoàn Giáo Hội đích thực.

“Nhưng nếu được hướng dẫn cách đúng đắn, nhất là bằng khoa sư phạm về Truyền Giáo, lòng đạo đức bình dân sẽ có nhiều giá trị. Nó diễn tả sự khao khát Thiên Chúa mà chỉ những người đơn sơ và nghèo khó mới có thể biết đến. Nó làm cho người ta có khả năng sống quảng đại và hy sinh đến độ hy sinh anh dũng khi liên quan tới việc biểu lộ lòng tin. Nó bao hàm một ý thức sắc bén về những thuộc tính của Thiên Chúa như tình phụ tử, sự quan phòng, sự hiện diện yêu thương và liên lý. Nó làm phát sinh những thái độ nội tâm ở mức độ cao không tìm thấy ở bất cứ đâu: sự kiên nhẫn, cảm thức về thập giá trong đời sống thường ngày, sự siêu thoát, thái độ rộng mở với tha nhân, lòng mộ đạo. Vì những khía cạnh trên, chúng tôi sẵn lòng gọi là: “lòng đạo đức bình dân” (popular piety), có nghĩa là tôn giáo của người dân.

“Đức Ái Mục Vụ truyền cho những người mà Chúa đã đặt làm lãnh đạo các cộng đoàn Giáo Hội phải có thái độ thích

hợp đối với thực tại này là một thực tại rất phong phú nhưng đồng thời cũng rất dễ bị tổn thương. Trên hết là những người ấy phải nhạy bén với lòng đạo đức bình dân, biết cách cảm nghiệm những chiều kích nội tâm và những giá trị không thể chối cãi được của lòng đạo đức bình dân ấy, sẵn sàng giúp nó vượt qua những nguy cơ lạc hướng. Khi được hướng dẫn một cách đúng đắn, lòng đạo đức bình dân có thể giúp càng ngày càng nhiều người thực sự gặp được Thiên Chúa trong Đức Giê-su Ki-tô” (4).

2.2 Giáo huấn của Đức Giáo Hoàng Gio-an Phao-lô II:

Đức Giáo Hoàng Gio-an Phao-lô II trong tông thư Vicesimus Quintus Annus đã nói: “Lòng đạo đức bình dân không thể bị làm ngơ, hay bị đối xử một cách dửng dưng, khinh miệt, vì giá trị của nó rất phong phú và tự thân nó diễn tả nền tảng tín ngưỡng của con người trước Thiên Chúa. ... Các việc đạo đức của Dân Chúa, cũng như những hình thức sùng mộ khác đều được đón nhận và cổ vũ, miễn là chúng không thay thế và không lẫn lộn với những cử hành Phụng Vụ” (5).

2.3 Giáo huấn của Thánh Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích:

Thánh Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích cũng đã khẳng định: “Theo huấn quyền, lòng đạo đức bình dân là một thực tại sống động ở trong lòng Giáo Hội: lòng đạo đức ấy có nguồn gốc trong sự hiện diện liên tục và tích cực của Thánh Thần, Đấng ban sự sống cho toàn thể Giáo Hội....

Thánh Bộ Phụng Tự và Kỷ Luật Bí Tích ghi nhận: “không thể nào bỏ qua những việc đạo đức được tín hữu thực thi trong một số miền một cách sốt sắng và với ý ngay lành

đến cảm động. Cũng thế, ta có thể khẳng định rằng cảm thức tôn giáo lành mạnh của người bình dân, nhờ vào cội rễ rất Công giáo của họ, có thể là một liều thuốc giải độc đối với các giáo phái và là một bảo đảm cho lòng trung thành đối với sứ điệp cứu rỗi. Lòng đạo đức bình dân cũng là công cụ Chúa ban để giữ gìn đức tin, trong những miền mà các Ki-tô hữu thiếu sự giúp đỡ mục vụ; hơn nữa ở những nơi mà việc loan báo Tin Mừng chưa được đầy đủ, dân chúng biểu lộ phần lớn đức tin của họ nhờ lòng đạo đức bình dân. Cuối cùng, lòng đạo đức bình dân là một khởi điểm thích hợp và không thể thay thế, giúp giáo dân đạt tới một đức tin chín chắn và sâu sắc hơn” (6).

III. LÒNG ĐẠO ĐỨC BÌNH DÂN TRONG LÒNG GIÁO HỘI VIỆT NAM

Liên quan tới việc thực hành lòng đạo đức bình dân, có thể nói Giáo Hội Việt Nam cũng có điểm mạnh và điểm yếu riêng của mình.

3.1 Điểm mạnh của Giáo Hội Việt Nam

Là lòng đạo đức bình dân được phát triển rất mạnh trong đời sống đạo của người giáo dân, thậm chí đôi khi long đạo đức bình dân lấn át cả việc Phụng Vụ chính thức. Trong những năm gần đây ở một số nơi chúng ta ta thấy một số thực hành mới được du nhập vào đời sống cầu nguyện, nhưng lại chỉ là những kinh mới thêm vào những kinh cũ, những sùng mộ mới thêm vào những sùng mộ đã có từ trước. Tôi không có ý nói là những kinh mới, những sùng mộ mới kia là không có giá trị. Ý tôi muốn nói là không thấy có những cung cách hay hình thái đột biến làm thay đổi cuộc sống đức tin của giáo dân ở chiều sâu tâm linh.

3.2 Điểm yếu của Giáo Hội Việt Nam

Là nhiều người Công Giáo Việt Nam thực hành lòng đạo đức bình dân mà không hiểu ý nghĩa, khiến những thực hành ấy dễ trở thành “hình thức” chỉ có ở bên ngoài. Nhiều người khác coi nhẹ việc học hỏi, đào sâu giáo lý, không quan tâm đến việc đọc và suy niệm Lời Chúa để cầu nguyện nên dễ rơi vào cách sống đạo hời hợt, vẫn nặng đọc kinh và trọng các hình thức bề ngoài mà thiếu lòng đạo sâu xa, thiếu đời sống kết hợp riêng tư với Thiên Chúa.

THAY LỜI KẾT

Vấn đề của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam chúng ta là làm sao một đảng duy trì, đào sâu và thanh luyện các cách thể hiện lòng đạo đức bình dân, một đảng phải đẩy mạnh việc học hỏi Thánh Kinh và Giáo lý trong hàng ngũ giáo dân. Tại Sài-gòn từ ngày đi vào hoạt động, Học Viện Mục Vụ Giáo Phận (nay đổi thành Trung Tâm Mục Vụ Giáo Phận) đã cho những tín hiệu hết sức đáng mừng: Ngoài những khóa tín lý cơ bản, kinh thánh nhập môn, luân lý, phụng vụ, bí tích ... còn có những khóa Thánh Kinh một trăm tuần (7) thu hút khoảng trên dưới 400 anh chị em giáo dân tham dự mỗi lớp tối thứ năm và thứ sáu hàng tuần. Ước chi các trung tâm khác, các giáo phận khác cũng nỗ lực theo cùng một chiều hướng chung là nâng cấp và thăng tiến giáo dân.

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội

[Tác giả gửi trực tiếp cho GDHT]

Ghi chú:

(1) Lm Hà Văn Minh, “LÒNG ĐẠO ĐỨC BÌNH DÂN”, bài thuyết trình tại Tọa Đàm “SỐNG ĐẠO THEO CUNG CÁCH VIỆT NAM” do Ủy Ban Giám Mục về Giáo Dân phối hợp với Tòa Tổng Giám Mục Huế tổ chức tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận Huế trong ba ngày 20, 21 và 22 tháng 4 năm 2004.

(2) Như trên.

(3) Như trên.

(4) Đức Giáo Hoàng Phao-lô VI, Tông Huấn “Loan Báo Tin Mừng”, số 48.

(5) Xem số (1).

(6) Xem số (1).

(7) Khóa Thánh Kinh 100 tuần được tổ chức (chia sẻ và giảng dạy) theo phương pháp và tài liệu THE BIBLE IN 100 WEEKS của linh mục Marcel le Dorze, MEP. Tài liệu và phương pháp này đã rất phổ biến trong các Giáo Hội Nhật Bản và Hàn Quốc, nay mới được du nhập vào Việt Nam.

BẠN LÀ NGƯỜI CÔNG GIÁO LOẠI NÀO?

I. Các cách sống đạo

1. *Biểu dương đức tin* (Demonstration of faith)
2. *Tìm hiểu đức tin* (Understanding of faith)

II. Về Biểu dương Đức Tin

A. Một số dấu hiệu của biểu dương đức tin

- Đi nhà thờ thường xuyên, hàng tuần, hằng ngày
- Châu Thánh Thể
- Rước kiệu
- Ăn chay, hãm mình, đền tội
- Hành hương

B. Các việc bác ái thường làm của biểu dương đức tin (Đa số liên quan đến nhà thờ)

- Thăm viếng người bệnh trong nhà thương, tư gia
- Làm thừa tác viên Thánh Thể, đọc Sách trong nhà thờ.
- Đọc kinh liên gia trong giáo xứ
- Thăm viếng và an ủi người cô nhi, quả phụ
- Mời người khác vào trong đoàn thể Công giáo của mình
- Mời người xa nhà thờ trở lại cùng giáo hội
- Chú tâm đến ơn đặc sủng của đoàn thể mình đang sinh hoạt

III. Về Tìm hiểu đức tin

A. Một số dấu hiệu của tìm hiểu đức tin

- Học Thánh Kinh,
- Học thần học tại giáo xứ, các trường đại học (Bible class).
- Đi dự các buổi thuyết trình, hội thảo tại các hội nghị.

B. Các việc thường làm của tìm hiểu đức tin

- Dạy giáo lý tại giáo xứ
- Tranh đấu cho công bằng, bác ái xã hội
- Tranh đấu cho quyền lợi con người (nhân quyền)
- Giúp đỡ người cô thân, cô thế, tỵ nạn
- Giúp đỡ các quốc gia nghèo

C. Nhận xét về nhóm tìm hiểu đức tin

- Nghĩ rằng ơn cứu rỗi không bắt buộc là chỉ làm việc trong nhà thờ.
- Có khuynh hướng thiên về các việc xã hội, thay thế cho nhà thờ.
- Có khuynh hướng lưu tâm đến các việc chính trị xã hội (socio-political issues) hơn là nhà thờ.

IV. Một số văn kiện liên quan đến công bằng bác ái trong xã hội

- Evangelium vitae: tôn trọng sinh mạng con người, vai trò gia đình (Gioan Phaolo II).
- Rerum novarum: quyền lợi mỗi gia đình (Leo XIII).

- **Quadragesimo anno:** nâng đỡ gia đình và công nhân, tương quan chủ và thợ (Pio XI) 1931.
- **Mater et Magistra:** quan tâm đến công nhân nghèo; thiết lập tương quan xã hội trong chân lý, công bằng và bác ái (Gioan XXIII) 1961
- **Populorum progressio:** phát triển của con người. Tương quan giữa người với người (Phaolo VI).
- **Laborem Exercens:** quyền công nhân, quyền lập hội đoàn, nhân sinh giá trị hơn của cải; quyền làm việc và tư hữu (Gioan Phaolo II) 1981.
- **Centesimus Annus:** sai lầm của chủ nghĩa xã hội; nguy hiểm của chế độ tư bản và tiêu thụ; tương quan giữa các dân tộc giàu nghèo (Gioan Phaolo II) 1991.
- **Pacem in terris:** tương quan giữa cá nhân và công quyền, giữa các nước (Gioan XXIII) 1963.
- **Brothers and Sisters to Us:** chống lại chủ trương kỳ thị chủng tộc (Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ) 1979.
- **Economic Justice for all:** Công bằng về kinh tế và xã hội cho mọi người (HĐGMHK) 1986.

V. Các lời kinh căn bản của công bằng xã hội: Thương người 14 mối:

A. Thương linh hồn 7 mối

- Thứ nhất: Lấy lời lành mà khuyên người.
- Thứ hai: Mở dạy kẻ mê muội.
- Thứ ba: Yên ủi kẻ âu lo.
- Thứ bốn: Răn bảo kẻ có tội.
- Thứ năm: Tha kẻ dễ ta.
- Thứ sáu: Nhịn kẻ mất lòng ta.

- Thứ bảy: Cầu cho kẻ sống và kẻ chết.

B. Thương xác 7 mối

- Thứ nhất: Cho kẻ đói ăn.
- Thứ hai: Cho kẻ khát uống.
- Thứ ba: Cho kẻ rách rưới ăn mặc.
- Thứ bốn: Viếng kẻ liệt cùng kẻ tù rạc.
- Thứ năm: Cho khách đỗ nhà.
- Thứ sáu: Chuộc kẻ làm tội.
- Thứ bảy: Chôn xác kẻ chết.

VI. Các tiêu chuẩn phân loại người Công giáo [từ thấp lên cao]

1. Đi nhà thờ thường xuyên (tiêu chuẩn 1)
2. Làm việc cho/liên quan đến nhà thờ, đến các việc đạo đức (tiêu chuẩn 2)
3. Chú tâm đến việc học hỏi thánh kinh, thần học (tiêu chuẩn 3)
4. Chú tâm đến các sinh hoạt liên quan đến công lý và bác ái, chính trị-xã hội trần thế (tiêu chuẩn 4)

VII. Các nhóm người Công giáo/Kitô hữu [từ cao xuống thấp]

* **Nhóm 1:** Đi nhà thờ thường xuyên (1), làm các việc đạo đức bác ái thường xuyên (2), chú tâm nhiều đến việc học

hỏi thần học, thánh kinh (3), làm việc bác ái, công bằng xã hội thường xuyên (4).

* **Nhóm 2:** Đi nhà thờ thường xuyên (1), làm các việc đạo đức bác ái vừa vừa (2), chú tâm nhiều đến việc học hỏi thần học, thánh kinh (3), làm việc bác ái, công bằng xã hội thường xuyên (4).

* **Nhóm 3:** Đi nhà thờ thường xuyên (1), làm các việc đạo đức bác ái thường xuyên (2), chú tâm nhiều đến việc học hỏi thần học, thánh kinh (3), làm việc bác ái, công bằng xã hội vừa vừa (4).

* **Nhóm 4:** Đi nhà thờ vừa vừa (1), làm các việc đạo đức bác ái vừa vừa (2), chú tâm vừa vừa đến việc học hỏi thần học, thánh kinh (3), làm việc bác ái, công bằng xã hội thường xuyên (4).

* **Nhóm 5:** Đi nhà thờ vừa vừa (1), làm các việc đạo đức bác ái vừa vừa (2), chú tâm vừa vừa đến việc học hỏi thần học, thánh kinh (3), làm việc bác ái, công bằng xã hội vừa vừa (4).

* **Nhóm 6:** Ít đi nhà thờ (1), ít làm việc đạo đức bác ái (2), ít học hỏi thánh kinh (3), ít làm việc công bằng xã hội (4).

Câu hỏi:

(1) Bạn có khuynh hướng Biểu dương hay Tìm hiểu Đức Tin?

(2) Bạn thuộc loại Kitô hữu nào?

(3) Bạn thấy mình còn thiếu sót điểm nào?

(4) Bạn cần phải làm gì cho mình để sống đúng theo phúc âm?

LM Anthony Đào Quang Chính, O.P
(Nguồn: VietCatholic News 25/02/2004)

THƯ CON GỬI CHA VỀ VIỆC PHÁT TRIỂN TỦ SÁCH GIAO XỨ

Hà nội ngày 31/12/2011

Kính thưa Cha,

Vào ngày cuối cùng của năm 2011, với tấm lòng kính trọng và trách nhiệm, con viết thư này kính thưa cùng Cha một việc như sau:

Cha ơi, con nhận thấy:

- Đã một thời người công giáo chúng ta có nhiều tri thức lớn và chính trị gia đảm trách nhiều vị trí quan trọng của đất nước. Nhưng suốt nhiều năm dài dưới chế độ cộng sản vô thần, chúng ta phải chấp nhận một sự thật là hiện nay người Công giáo chúng ta, cũng như đại bộ phận dân tộc Việt Nam, nghèo, ít học, thiếu khả năng và đặc biệt là không được tham dự vào các công việc quản trị, điều hành và phát triển đất nước.

- Tuy vậy, sau hơn 20 năm đổi mới về kinh tế, có một không gian dân sự đang ngày càng mở rộng, tạo cơ hội cho những hoạt động xã hội trung lập xen vào. Nếu vận dụng tốt đây chính là cái khe có thể cắm nê vào lòng xã hội, giúp tách chủ thuyết vô thần khỏi đời sống người dân đồng

thời tạo được các mao mạch dẫn tiếng nói của phúc âm lan truyền vào lòng người thông qua những tín hữu hiểu biết.

- Để làm điều đó thì có rất nhiều hoạt động nhưng con cho rằng đọc sách là vô cùng quan trọng. Trong sách có những bí mật của đạo đức và những chỉ bảo chân tình để giúp người Kito Hữu chúng ta sống tốt, trình bày đức tin thuyết phục và làm sáng danh Chúa. Sách tốt có ảnh hưởng to lớn trong đời sống con người vì tác động trực tiếp vào bộ não, khuấy phục tư duy và làm thay đổi hành vi. Hoạt động đưa sách, đọc sách, cổ võ cho giáo dục là điều cần thiết và khả thi.

Nên con kính đề nghị:

1. Cha cố gắng phát động một chương trình xây dựng Tủ sách Giáo xứ trên toàn bộ giáo xứ, làm sao để mỗi giáo xứ có một tủ sách. Lượng sách có thể nhiều hoặc ít nhưng phải bao gồm các sách truyện cho thiếu nhi, sách tu đức và các sách dạy làm nông nghiệp cho bà con. Danh mục sách phải lấy từ các nhà xuất bản chính thức nhưng được tuyển chọn một cách cẩn thận và có trách nhiệm. Khác với tủ sách riêng của Cha đặt trong phòng của mình, tủ sách giáo xứ phải là dành cho tất cả giáo dân, để chỗ công khai cho mọi người dễ vào ra, dễ lấy và đọc.

2. Trong khi hiện nay hàng loạt nhà thờ hoành tráng mọc lên khắp nơi tốn kém hàng chục tỷ đồng thì mỗi một tủ

sách giáo xứ ban đầu chỉ tốn 3-5 triệu đồng. Một người ngoại đạo đã viết thư cho con ghi rằng: “*Tôi có niềm tin mãnh liệt rằng với uy tín, sự uyên thâm và lòng yêu thương các con chiên, các Cha đạo sẽ rất dễ dàng huy động mỗi người đóng góp được 5.000đ -10.000đ để xây dựng tủ sách và mua sách bổ sung. Tôi tin chắc rằng nếu quyết liệt thực hiện, Giáo Hội chỉ mất 5 năm để hoàn thành sứ mệnh sách hóa các giáo xứ*” Con cũng cũng tin như vậy vì không ai có thể làm việc này tốt hơn các Cha, đặc biệt là trên một diện rộng.

3. Trong hai tháng qua, con đã cùng một số anh em giúp đỡ để thành lập được 13 tủ sách cho các giáo xứ, hàng ngàn trẻ em đã có cơ hội đọc sách. Nhưng ý tưởng này không thể thành công nếu nó chỉ là công việc của một nhóm cá nhân. Nhìn hàng trăm thiếu nhi háo hức lao vào lục sách và đọc một cách say mê con biết rằng các em không đọc sách là vì không có sách. Khi đọc sách là lúc các em biết đánh đổi những giờ phút buồn tẻ của cuộc đời để lấy được những giờ phút lý thú, các em úp mặt vào học hỏi kinh nghiệm quá khứ để bắt đầu cuộc trường chinh gian khó trong tương lai. Sách sẽ giúp người Công giáo chúng ta cùng với toàn thể nhân dân Việt Nam trả được nợ đói nghèo, lạc hậu cho dân tộc vì những kẻ đi vay tương lai của đất nước này hình như đang cố tình trốn nợ.

4. Chắc chắn sẽ có những khó khăn phức tạp, những chia rẽ và vu cáo từ kẻ xấu. Nhưng đây là hoạt động xã hội phù hợp với đường hướng và quan điểm của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam và pháp luật Việt Nam. Noi gương thánh Phao Lô chúng ta không sợ mà sẽ tranh đấu cao đẹp để làm đúng và bảo vệ việc làm đúng, dần dần hiệu quả và sự thật sẽ trả lời. Có thể thông qua hoạt động này của Cha mà có một sự cạnh tranh của Chính quyền để họ đem sách nhiều hơn đến cho nhân dân.

Kính thưa Cha,

Nhà cải cách giáo dục nổi tiếng của Hoa Kỳ Mann Horace đã từng mong ước rằng: “*Nếu tôi có quyền thế, tôi sẽ đem sách gieo rắc khắp mặt địa cầu như người ta gieo lúa trên luống cày vậy*”. Chúng con cùng kính xin Cha là những người có quyền thế trên dân riêng của mình, cùng giúp chung tay gieo rắc những sách hay hiện nay lên khắp tất cả các giáo xứ mà các Ngài coi sóc như gieo trồng giống tốt vậy.

Chúng con cùng hình dung việc này khi thành công, Nhà thờ sẽ không còn là nơi chỉ đông đúc khi có lễ mà còn là nơi thân thiện cho tất cả các giáo dân, đặc biệt là em thiếu nhi đến đọc sách hằng ngày. Để một ngày Cha sẽ đọc cho các con, thầy cô đọc cho học trò, anh chị đọc thì các em

học theo... Con hình dung quang cảnh các làng quê công giáo xôn xao chạy đua kiếm tìm tri thức, mở kho trí tuệ của nhân loại được lưu truyền trong sách vở để vững bước khám phá và chinh phục tương lai. Khi đó tiếng vọng phúc âm sẽ thổi vào từng ngõ ngách và kích thích sự phát triển chung của toàn xã hội.

Chúng con cùng tin rằng với lòng nhiệt huyết và đóng góp của của giáo dân, trình độ và tình yêu mến con chiên của Cha, công việc này sẽ được phát triển hiệu quả trên từng giáo xứ, để cho văn hóa đọc âm thầm xâm chiếm và nuôi dưỡng tâm thức Việt Nam. Làm được như vậy, chúng ta có quyền tin rằng Giáo hội Việt Nam sẽ là một tác nhân tích cực cho những thay đổi tốt đẹp trên quê hương Việt Nam yêu dấu, đồng thời tránh được những đổ vỡ không đáng có do sự thiếu hiểu biết đem lại.

Xin chào Cha với lòng kính trọng,
Trong Chúa Kito và Mẹ Hằng Cứu Giúp

Luật sư Giuse Lê Quốc Quân

[Sưu tập của GDHT]

VĂN HÓA NGHE VÀ VĂN HÓA ĐỌC

Nhân đọc bài góp ý của luật sư Lê Quốc Quân về việc mỗi giáo xứ Việt Nam nên lập một tủ sách cho giáo dân, tôi quyết định viết bài này để nói lên một điều tôi trăn trở từ lâu và đã nhiều lần chia sẻ trong lớp với các học viên các Khóa Thánh Kinh và Thần Học: **Giáo Dân Việt Nam cần chuyển từ VĂN HÓA NGHE sang VĂN HÓA ĐỌC!**

VĂN HÓA NGHE và VĂN HÓA ĐỌC là hai nền văn hóa thông dụng của người giáo dân Việt Nam. Văn hóa nghe là văn hóa có trước. Nói cách văn hoa thì đó là văn hóa truyền khẩu. Truyền khẩu thì có trước sách vở. Truyền khẩu là truyền từ miệng người này sang tai người kia và cứ thế việc người này nói cho người kia nghe được lặp đi lặp lại. Thánh Kinh cũng khởi đầu bằng văn hóa nghe hay truyền khẩu: “*Các tín hữu chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy*” (Cv 2,42). Các Sách Thánh Kinh chỉ được hình thành rất trễ sau giai đoạn văn hóa nghe hay truyền khẩu.

Ngày nay về nông thôn, chúng ta thấy văn hóa nghe còn ngự trị trong sinh hoạt giáo xứ. Sáng lễ chiều kinh đều theo tiếng chuông nhà thờ. Hẳn nhiên nhà nào cũng có đồng hồ, nhiều người có đồng hồ đeo tay, có điện thoại cầm tay hay nhét túi, chỉ cần liếc mắt một cái là người ta biết giờ biết giấc. Thế nhưng người ta vẫn cần có tiếng chuông, tiếng trống nhà thờ...

Trong các buổi cử hành phụng vụ hay á phụng vụ thì tiếng nói của linh mục chính xứ chiếm một chỗ rất quan trọng, vì ngài nói và giáo dân nghe, một mình ngài nói cho hàng trăm giáo dân nghe. Bất cứ điều gì liên quan tới sinh hoạt của giáo xứ cũng đều được cha xứ thông báo, từ lịch lễ trong tuần cho đến việc quyên góp tiền, hiến máu nhân đạo, thậm chí cả việc phân công các ca đoàn hay các giáo khu, giáo họ cũng được cha xứ rao trong nhà thờ trước/sau thánh lễ. Tất tần tật đều được cha xứ thông báo. Một mình cha xứ có quyền nói và có không ít cha đã lạm dụng cái quyền ấy khi trong một thánh lễ ngài đã giảng đi giảng lại hai ba bốn lần: đầu lễ, sau Phúc Âm, sau khi cho rước lễ và trước khi ban phép lành cuối lễ.

Còn giáo dân ngồi nghe: lời/tiếng nói của cha xứ vào tai này ra tai kia. Nguyên về bài giảng, nếu những người vừa từ trong thánh đường bước ra được hỏi là cha xứ vừa nói gì, vừa giảng gì, thì chắc phần đông không trả lời được, vì họ không nhớ cha xứ vừa nói những gì, vừa giảng những gì!

Văn hóa nghe có điều tai hại là tạo điều kiện cho giáo dân thụ động.... Nghe một cách thụ động, nghe nhiều mà nhớ ít hay chẳng nhớ gì cả. Văn hóa nghe cũng củng cố tình trạng thiêu trưởng thành, thiếu tích cực và chủ động của giáo dân.

Có lẽ đã đến thời chúng ta nên giúp giáo dân Việt Nam chuyển từ văn hóa nghe sang văn hóa đọc. Sách Đạo càng ngày càng nhiều mà số người mua đọc còn rất là hạn chế. Chưa kể đến các trang mạng của các giáo phận, dòng tu,

ủy ban mục vụ, giáo xứ, phong trào trong và ngoài nước. Nhưng số người vào các trang mạng đã ít thì số người đọc các bài trong mạng chắc càng ít hơn nữa.

Khi chuyển sang văn hóa đọc, người giáo dân sẽ chủ động hơn, tích cực hơn và trưởng thành hơn, vì không phải bài nào cũng đọc, sách nào cũng xem, trang web nào cũng vào. Sự chọn lựa là điều tất yếu. Mà để có khả năng chọn lựa thì người giáo dân phải có một số điều kiện cần thiết khác.

Càng về nông thôn, chúng ta càng thấy rõ bà con giáo dân chúng ta chịu thiệt thòi như thế nào. Có một thời gian dài các thanh niên thiếu nữ công giáo không có điều kiện để tiếp tục đến trường. Những thanh niên thiếu nữ ấy ngày nay đã là các ông cha bà mẹ của các gia đình, là các gia trưởng hiền mẫu trong giáo xứ. Thậm chí một số người nắm vai trò lãnh đạo giáo họ, giáo khu, hội đoàn, thậm chí cả giáo xứ. Nhưng họ vẫn chỉ quen với văn hóa nghe mà chưa quen với văn hóa đọc nên kiến thức và trình độ còn bị giới hạn và không thể cải thiện được.

Trong các sinh hoạt hội đoàn cũng như trong các lớp giáo lý, nhất là giáo lý người lớn, chúng ta nên thúc đẩy các hội viên và các học viên làm quen với văn hóa đọc: đọc Thánh Kinh, đọc tài liệu, đọc báo, đọc bài viết. Giáo dân chúng ta lãng phí rất nhiều thời gian và còn rất thờ ơ với những món ăn tinh thần (văn hóa và tâm linh) nên tâm hồn nghèo nàn, tư tưởng tà tà mặt cỏ. Mỗi cuốn sách là một Ông Thầy. Thế mà “Không Thầy đó mày làm nên!”

Tôi tự hỏi sao các giáo xứ, nhất là ở các thành phố lớn như Sài-gòn, Hà-Nội... không thực hiện một tờ thông tin liên

lạc hằng tuần trong đó ghi các giờ lễ, ý chỉ, các người mới qua đời trong giáo xứ, bảng phân công các giáo họ, các ca đoàn và các sinh hoạt khác trong tuần. Ai đi lễ muốn lấy về một tờ về đọc thì tự do lấy. Ai thờ ơ không lấy thì cũng chẳng sao. Dần dần người ta sẽ thấy ích lợi của tờ thông tin liên lạc này của giáo xứ. Việc tốn kém cũng chẳng là bao, vì chỉ cần một tờ A 4 gấp đôi cho mỗi tuần lễ. Và tôi tin là sẽ có người hảo tâm đảm nhận chi phí này.

Các giáo xứ Việt Nam tại Mỹ, Úc đều đã thực hiện việc này từ nhiều năm rồi. Thậm chí trong tờ bản tin liên lạc ấy của họ còn có cả bài giảng của các linh mục nữa. Và có phần quảng cáo các doanh nghiệp, dịch vụ công giáo làm nguồn thu bù cho chi phí in ấn hay photocopy.

Giêrônimô Nguyễn Văn Nội
Sài-gòn ngày 05/01/2012

HƯỜNG ỨNG BÀI VĂN HÓA NGHE VÀ VĂN HÓA ĐỌC

Ông Giêrônimô Nguyễn Văn Nội quý mến,
Anh Chị Em giáo dân quý mến,

Tôi viết mấy dòng này với hai mục đích đơn sơ và chân thành:

- Một là tôi hết sức hoan nghênh ý kiến/vấn đề ông nêu lên trong bài VĂN HÓA NGHE VÀ VĂN HÓA ĐỌC. Bài viết này đã được đăng trên website Dòng Chúa Cứu Thế Việt Nam và một vài trang mạng khác. Tôi cho đó là tín hiệu cho chúng ta hiểu rằng có nhiều người đồng quan điểm với ông;
- Hai là tôi muốn góp thêm suy nghĩ và quan điểm của tôi về một vấn đề, tưởng nhỏ mà rất quan trọng đối với sự phát triển của Giáo Hội Việt Nam nói chung và sự trưởng thành của hàng giáo dân Việt Nam nói riêng.

Ai trong chúng ta đều biết Giáo Hội Công Giáo, nhất là ở Công Đồng Vatican II (1962-1965), rất quan tâm đến việc Giáo Hội có được hàng giáo dân trưởng thành cũng được gọi là hàng giáo dân đích thực. Công Đồng viết:

“Giáo hội chưa được thiết lập thực sự, chưa sống đầy đủ, cũng chưa là dân chỉ tuyệt hảo của Chúa Ki-tô giữa loài người nếu như chưa có hàng giáo dân đích thực và nếu hàng giáo dân này chưa cùng làm việc với Hàng Giáo Phàm. Thật vậy, Phúc âm không thể đi sâu vào tinh thần,

đời sống và sinh hoạt của một dân tộc nếu không có sự hiện diện linh hoạt của giáo dân.

“Do đó, ngay khi thiết lập, Giáo hội phải hết sức chú tâm đến việc đào tạo một hàng ngũ giáo dân Ki-tô giáo trưởng thành”

(Công Đồng Vatican II, Sắc lệnh Truyền Giáo, số 21).

Hàng giáo dân đích thực hay trưởng thành chắc chắn không đồng nghĩa với hàng giáo dân thụ động, bảo sao biết vậy hay sống lệ thuộc vào người khác. Hàng giáo dân cùng làm việc với Hàng Giáo Phẩm chắc không phải là hàng giáo dân chỉ biết thừa hành công việc và bảo sao nghe/làm vậy. Nếu cho phép tôi dùng một hình ảnh để diễn tả quá trình chuyển từ hàng giáo dân thụ động sang hàng giáo dân chủ động tức trưởng thành hay đích thực thì đó là tiến trình từ Văn Hóa Nghe sang Văn Hóa Đọc.

Trong cộng đoàn không ít lần tôi nghe câu nói này, không chỉ nơi những người giáo dân bình thường mà nơi cả một số giáo dân trí thức và cốt cán trong cộng đoàn nữa:

«Tôi có nghe Đức Hồng Y/Đức Cha nói gì về việc ấy đâu?»

«Tôi không làm, vì tôi không nghe cha xứ nói gì về việc ấy cả!»

Theo quan điểm của những giáo dân này, thì trong tất cả mọi vấn đề, mọi lãnh vực, họ phải chờ lệnh, chỉ thị, lời dạy hay lời khuyên của các vị lãnh đạo là giám mục giáo phận hay linh mục chính xứ. Thái độ ấy phản ánh một lối sống chưa trưởng thành của giáo dân, không khác gì mấy mấy trẻ nhỏ không tự mình lấy cơm ăn mà phải chờ cha mẹ xúc cơm đút vào miệng cho ăn thì mới ăn!

Có lần tôi đã trao đổi với một linh mục về vấn đề làm sao nâng cao trình độ của giáo dân thì vị linh mục ấy nói rằng sự hiểu biết của phần đông giáo dân Việt Nam còn rất hạn chế mà một nguyên nhân là họ không quen đọc sách báo, tài liệu cũng như không muốn tham dự các khóa huấn luyện. Ngài nói thêm: «cha ông ta đã nói mỗi cuốn sách là một ông thầy»; thậm chí chúng ta có thể nói mỗi trang, mỗi chương sách là một ông thầy. Và cha ông chúng ta cũng nói: «không thầy đờ mày làm nên». Vị linh mục kết luận: «giáo dân cần làm quen với việc đọc sách, báo đạo.» Như để chứng minh cho tôi hiểu tầm quan trọng của việc đọc sách, vị linh mục nói tiếp: «Trong Giáo Hội có mấy bộ Sách rất quan trọng và cuốn nào cuốn nấy dày cộm mấy trăm trang: đó là Cuốn Thánh Kinh (Cựu Ước và Tân Ước), cuốn Văn Kiện Công Đồng Vatican II, cuốn Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo, cuốn Giáo Luật (1983), nếu giáo dân chỉ chờ nghe thì không biết họ phải sống bao nhiêu năm để có thể nghe hết nội dung của các Sách quan trọng ấy. Mặt khác có linh mục nào có thể nói hết nội dung mấy cuốn Sách trên cho giáo dân trong khi bài giảng Chúa Nhật chỉ vồn vện rong 15-20 phút? Chưa kể trong Giáo Hội còn bao nhiêu Thông Điệp, Sứ Điệp, Tông Thư, Tông Huấn, Diễn Từ của các Đức Giáo Hoàng, bao nhiêu Thư Chung, Thư Mục Tử của các Hồng Y, Giám Mục, mà nếu chỉ dừng lại ở nền Văn Hóa Nghe thì làm sao chúng ta sống cùng nhịp (hay đồng cảm) «sentire cum Ecclesia» với Giáo Hội được? »

Vậy nên rất cần đến «Văn Hóa Đọc» hay nói cách cụ thể hơn là giáo dân Việt Nam rất cần tập thói quen đọc sách đạo.

Nhưng vấn đề không chỉ là đọc mà là hiểu được các tài liệu hay văn kiện mình đọc. Mà để hiểu được điều mình đọc thì giáo dân cần có một trình độ văn hóa và hiểu biết nhất định. Vậy thì nâng cao trình độ văn hóa cho giáo dân là bước căn bản của giáo dục nói chung và giáo dục Kitô giáo nói riêng.

Theo tôi biết thì trong các trường Đại Học Tây Phương, các sinh viên chẳng những nghe giảng ở giảng đường mà còn được các giáo sư chỉ định một số sách hoặc một số chương của sách này sách kia để sinh viên tự vào thư viện tìm đọc những sách, những chương ấy và tóm gọn lại ý của các bản văn và có lượng giá của riêng mỗi sinh viên nữa.

Trong các đại chủng viện và học viện, các chủng sinh và tu sĩ được đào luyện về mặt trí thức cũng theo phương pháp «vừa nghe giảng vừa đọc cách tích cực và chủ động» này. Và các thầy không chỉ biết đọc sách tiếng bản xứ mà còn có khả năng đọc ngoại ngữ nữa. Ngày nay một người được xem là trí thức là người đó phải thông thạo ít nhất là một ngoại ngữ. Thông thạo một ngoại ngữ có nghĩa là có thể đọc, nói, viết trôi chảy ngoại ngữ ấy.

Tóm lại có thói quen đọc sách Đạo là một điều rất quan trọng đối với giáo dân Việt Nam, nhất là đối với giáo dân trí thức và nòng cốt của giáo xứ, hội đoàn, phong trào.

Phaolô Nguyễn Nhân Hòa

Sài-gòn ngày 01/05/2012

[Tác giả gửi trực tiếp cho GDHT]

SỐNG ĐẠO HÔM NAY:

CHÚA MUỐN CHÚNG TA NÊN THÁNH

Cha cố Đỗ Minh Trí đã có lần giảng: “*Chúng ta cần chú ý đến tình trạng thánh thiện của chúng ta thay vì đến hành động của chúng ta (The quality of our action depends on the quality of our being)*” và cha nêu thí dụ của bà thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu ở Lisieux là người nên thánh mà không làm nhiều việc bên ngoài. Đức Mẹ cũng thế, trong thời gian ngài còn sống, ngài không làm phép lạ, không đi rao giảng Tin Mừng, cũng không làm nên một công việc lớn lao nào ngoài việc sinh hạ Chúa Giêsu. Vậy mà người lại là Nữ Vương các Tông Đồ. Người đã được Chúa Cha chuẩn bị kỹ lưỡng nghĩa là được gìn giữ khỏi mọi vết nhơ nguyên tội để ban Đức Chúa Giêsu cho thế gian. Mẹ là người, nhưng rất thánh, đầy ơn Chúa, rất trong sạch, xinh đẹp, xứng đáng làm Mẹ của Thiên Chúa.

Chúa cũng muốn con người của chúng ta trở nên thánh, chứ không phải làm nhiều việc bên ngoài. Kế hoạch của Chúa về con người chúng ta theo Công Đồng Vatican II (Lumen Gentium 39) là *"tất cả mọi người trong Giáo Hội đều được kêu gọi để nên thánh, như lời thánh tông đồ dạy: vì Thiên Chúa muốn anh em được thánh hóa."*

Đây là kế hoạch của Chúa về con người chúng ta! Còn lý tưởng của chúng ta thì sao ?

1. Nên thánh có được thẩm nhuần trong tư tưởng mình không? Có phải lý tưởng đời sống của mình không?

a. Đời sống hoạt động bên ngoài phải bắt đầu và chấm dứt từ đời sống nội tâm.

Có rất nhiều hoạt động được tổ chức dưới bề mặt của sự thánh thiện, nhưng lại có mục đích chính là đạt được sự ngợi khen của thế gian, và sự nổi danh vì một khả năng đặc biệt. Những người khởi sự ra những hoạt động này sẽ quyết chí đạt được sự thành công bất kể đến cái giá phải trả, và có thể dùng cả những phương tiện không thể nào chứng minh nổi.

Có những hoạt động khác có mục đích tốt, cứu cánh và phương tiện cũng không có chỗ chê, nhưng vì người đứng ra tổ chức chỉ có một chút đức tin lung lay vào quyền năng của đời sống thiêng liêng, kết quả, dù có cố gắng cách mấy, cũng hầu như là vô ích.

Linh mục Đom Jean Baptiste Chautard trong cuốn "Linh Hồn của người Tông Đồ" đã viết, "Tôi đã thấy rõ ràng rằng bất cứ công việc nào chỉ được xây dựng trên nền tảng của con người sẽ đi đến chỗ sụp đổ, và chỉ có những việc nhắm vào sự đem mọi người đến gần Chúa hơn bằng đời sống nội tâm mới được Chúa chúc lành."

b. Đời Sống Hoạt Động và Đời Sống Nội Tâm hoàn toàn phụ thuộc vào nhau.

Cũng như tình yêu Chúa được thể hiện bằng những hành động của đời sống nội tâm, tình yêu tha nhân được thể hiện bằng các hoạt động của đời sống bên ngoài, và do đó tình yêu Thiên Chúa và tình yêu tha nhân không thể nào phân tách được, và hai hình thức của đời sống này không thể

nào hiện hữu một mình. Hai đời sống ấy phụ thuộc vào nhau, hòa nhập với nhau và bổ túc cho nhau.

Thánh Bernard là vị thánh chiêm niệm nhiều nhất những đồng thời cũng là người hoạt động nhất vào thời đại của ngài. Có người đã viết về ngài như sau, *"Sự chiêm niệm và hoạt động nơi thánh Bernard hòa hợp với nhau khiến cho ngài có vẻ như cùng một lúc hoàn toàn chăm chú vào công việc bên ngoài, nhưng lại hoàn toàn bị thu hút trong sự hiện diện và tình yêu Thiên Chúa."*

Linh mục Saint-Jure mô tả sự liên hệ của hai đời sống ấy như sau: *"Trái tim biểu hiệu cho đời sống nội tâm hay đời sống chiêm niệm, cánh tay biểu hiệu cho đời sống hoạt động hay đời sống bên ngoài. Trái tim không ngừng đập suốt ngày đêm. Nếu bộ phận này chỉ ngưng đập một thời gian ngắn thì con người sẽ chết. Tuy nhiên cánh tay, là một bộ phận của cơ thể, chỉ thỉnh thoảng mới cử động. Và do đó đôi khi chúng ta phải tìm một chút nghỉ ngơi trong công việc bận rộn bên ngoài, nhưng không bao giờ được lơ là trong sự chú tâm đến những việc thiêng liêng. Trái tim đem cho cánh tay sức mạnh nhờ máu được tim đưa tới, nếu không cánh tay sẽ chết. Cùng một cách nói, đời sống nội tâm, đời sống kết hợp với Chúa, nhờ vào ánh sáng và sự kết hợp thường trực của linh hồn với Chúa, đem lại sức sống cho các hoạt động bên ngoài của chúng ta."*

Do đó nên thánh phải được thấm nhuần trong tư tưởng của chúng ta thường xuyên. Nên thánh phải là lý tưởng của đời sống chúng ta vì nếu không có một đời sống thánh thiện, mọi nỗ lực ngoài đời của chúng ta sẽ bất toàn và vô ích.

Câu hỏi sau đây mà cha Trí đặt ra đã làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều, *"Có khi nào các bạn cầu xin Chúa giúp các bạn nên thánh không? Các bạn có dành ưu tiên cho việc nên*

thánh, lớn lên trong sự hiệp nhất với Đức Kitô, hay lao mình vào sinh hoạt bên ngoài?"

Tôi nhớ lại thời gian từ năm 1976 đến 1982, đây là giai đoạn mà tôi hăng say làm các việc bên ngoài để tổ chức các lớp tiếng Việt, các hoạt động gây quỹ, các công tác sửa sang, tu bổ, và xây cất thánh đường. Tôi làm tất cả các việc này hùng hục, vì thấy có nhu cầu, nhưng trong suốt thời gian này tôi không có một đời sống nội tâm. Tôi đi lễ, chịu lễ, xưng tội như một cái máy. Tôi không đọc kinh hàng ngày, không có phút hồi tâm, không tâm sự với Chúa. Tôi cũng không rờ đến chuỗi tràng hạt. Đời sống nội tâm của tôi khô khan như cái cây khô héo. Tôi làm việc chỉ nhằm hoàn tất mục tiêu bất kể đến những sự bất hòa và trái ý. Tôi cũng đánh giá thành quả của công việc bằng những con số (số người tham dự, số tiền thu được). Tôi thúc đẩy và lôi kéo mọi người quanh tôi cũng làm việc như tôi. Ai không hưởng ứng và không chấp nhận ý kiến của tôi là tôi gây gổ. Cái "tôi" của tôi đã trở nên cứu cánh và mọi hoạt động chỉ là phương tiện để cho tôi được tự mãn là đã đề xướng và giúp đỡ cho những việc vĩ đại được hoàn thành. Tôi chỉ tin tưởng vào bàn tay và trí óc của tôi, thay vì cầu xin sự giúp đỡ của Chúa. Tôi không bao giờ nghĩ đến việc nên thánh và cũng không cầu xin Chúa giúp cho tôi được nên thánh. Do đó dĩ nhiên việc nên thánh và lớn lên trong sự hiệp nhất với Chúa Kitô không phải là ưu tiên của đời sống tôi. Tôi đã hoàn toàn lao mình vào đời sống bên ngoài và để cho con tim tức là đời sống nội tâm của tôi khô héo và chai đá. Tôi không thể cầu nguyện vì buổi tối quá mệt mỏi, hễ cứ lên giường là tôi lăn ra ngủ.

May mắn cho tôi là cha xứ của tôi lúc bây giờ là đã nói với các bạn của tôi rằng, "*Nếu anh ấy mà đi tĩnh tâm thì tốt biết mấy?*" Cha đã khuyên tôi đi cắm phòng hai ba lần mà tôi từ chối vì lý do có quá nhiều công việc phải làm. Cuối cùng vào năm 1983 cha đã đích thân đến nhà và chở hai vợ chồng tôi đến núi Bryce để dự một khóa cắm phòng. Tôi đã bị Chúa "Zap" cho tôi bởi hoa lá. Khi tôi xuống núi để trở về đời tôi đã trở thành một con người mới. Từ đó đến nay đã trên hai mươi năm tôi biết cầu nguyện, biết chú ý đến đời sống nội tâm, biết bỏ mình, dẹp bỏ cái "tôi", dần tình nóng nảy, tôn trọng ý kiến của mọi người. Từ đó tôi tìm được sự bình an tương đối. Con người tôi tuy thế vẫn còn nhiều sân si. Khi tôi nóng nảy tôi cũng vẫn làm những việc thiếu suy nghĩ, gây bất hòa chia rẽ. Nhưng rồi tôi cầu nguyện, hồi tâm và tôi biết mình sai trái. Tôi xin lỗi và làm hòa với những người tôi đã làm phật lòng.

Tôi đã dạy giáo lý các lớp 10, 11, và 12. Trong năm năm, vợ chồng tôi đã theo học các lớp Thánh Kinh được tổ chức hàng tuần tại giáo xứ Nữ Vương Việt Nam Maryland. Vợ chồng tôi cũng theo học các lớp thần học tại Washington Theological Union. Nhờ học hỏi nhiều hơn về Kinh Thánh và thần học, chúng tôi hiểu biết Chúa nhiều hơn và yêu Chúa nhiều hơn.

Cách đây năm năm, vợ chồng tôi được làm quen với kinh thần vụ. Rồi chúng tôi được học hỏi về linh đạo của Thánh Đa Minh và chúng tôi gia nhập Dòng Ba. Từ đó với sự hướng dẫn và dạy giáo lý và Kinh Thánh của cha tuyên úy và việc đọc kinh thần vụ hàng ngày, chúng tôi đã chú ý đến việc sống đạo đúng đắn hơn.

Tạ ơn Chúa đã hướng dẫn và dìu dắt chúng tôi từng bước. Nhờ đó mà trong những năm gần đây tôi đã về hưu và

chuyên tâm vào việc giúp đỡ các cha trong nhiều công tác của giáo xứ. Tôi đã thay đổi rất nhiều và trưởng thành hơn trong đời sống nội tâm. Tôi biết khiêm nhường hơn và đối xử với mọi người dễ thương hơn. Tôi ân hận vì trong quá khứ tôi đã quá kiêu ngạo và làm cho nhiều người khó chịu.

2. Nên thánh có liên hệ gì đến sự an lạc, đến hạnh phúc gia đình, đến các cơ quan xã hội và các cơ quan chính phủ không?

Tôi xin chia sẻ tiếp kinh nghiệm của tôi về câu hỏi này. Trước đây, khi còn làm việc tại các trường trung học, tôi luôn luôn gây gổ với các bạn đồng môn với tôi là các nhà giáo. Tôi không chấp nhận sự thiếu sót hay các khuyết điểm của những người làm việc với tôi. Tôi học hặc với một người chỉ vì họ làm biếng và cứ đùn việc cho tôi làm. Đến một lúc chịu không nổi tôi đã báo cáo lên cấp trên. Khi cấp trên không giải quyết và còn bênh người này thì tôi tỏ ra rất bất mãn. Tôi tự cô lập trong việc làm và phòng sở của tôi. Tôi không tham dự các sinh hoạt của tập thể. Trên mặt tôi không bao giờ nở một nụ cười. Những sự đụng chạm ở trường sở làm cho con người tôi trở nên cáu kỉnh. Phải lái xe một ngày hai tiếng để đến sở và trở về là một cực hình đối với tôi. Khi kẹt xe, tôi khó chịu, bứt rứt, nếu có ai cúp qua đầu mũi xe của tôi là tôi chửi thề. Về đến nhà tôi chỉ thở ngán than dài, khiến cho vợ con tôi phải chịu đựng cái bộ mặt nhăn nhó của tôi. Tôi cũng hay la rầy con cái và làm cho không khí gia đình nhiều khi căng thẳng.

Bây giờ tôi đã thay đổi nhiều, các con cái của các bạn tôi thấy tôi dễ thương hơn. Tôi có thể sinh hoạt vui vẻ với cả giới già lẫn giới trẻ. Ở nhà tôi cũng bớt sự căng thẳng, các

con tôi cảm thấy gần tôi hơn và thương tôi hơn. Gia đình tôi có nhiều hạnh phúc hơn. Ở sở tôi luôn luôn vui cười. Dù gặp những sự trái ý tôi cũng bỏ qua không gây sự. Tôi bình tâm làm việc của tôi và không còn bực mình về những khuyết điểm của người khác ngang hàng và trên tôi. Tôi cũng dễ dãi hơn đối với người dưới. Tôi không la rầy và chỉ nhỏ nhẹ khuyên lơn. Khi tôi bị đau bao tử và nghi ngờ bị ulcer, thì các bạn trong sở đã nói rằng, "anh luôn luôn tươi cười, chúng tôi không thể tin rằng anh đang bị căng thẳng và lo lắng." Tôi thấy rõ là nụ cười trên môi có thể làm cho không khí nói sở làm, ở nhà, ở nhà thờ, và ngoài xã hội trở nên dễ thở hơn. Tôi đã bỏ qua được những lời kết án và chỉ trích vô cớ và có tính cách dèm pha. Tôi vẫn vui vẻ với những người làm tôi phật lòng và cầu xin cho họ được bình an. Với thời gian, những sự xích mích hay hiểu lầm cũng được xoá nhoà.

Như tôi đã tâm sự ở trên, tôi vẫn còn nhiều sân si, và tôi phải tiếp tục sửa đổi và cầu nguyện để xin Chúa giúp tôi mỗi ngày trở nên hoàn thiện hơn.

3. Trong lối sống của người Việt, nhất là trong cách cư xử với nhau có điều gì nâng đỡ hay ngăn cản sự thánh thiện?

Những điều nâng đỡ sự thánh thiện chắc chắn là tinh thần đức tin, lòng đạo đức và lòng quảng đại. Khi tôi tin cậy ở Chúa và biết cầu nguyện cho mọi nỗ lực của tôi, tôi sẽ không bực bội khó chịu khi công việc không thành. Tôi sẽ không đổ tội cho người khác khi thất bại hay kiêu ngạo khi thành công. Khi có lòng đạo đức và quảng đại, tôi sẽ không xét đoán mọi người một cách nông nổi, tôi sẽ không kết án bừa bãi. Tôi sẽ thông cảm, tha thứ, an ủi và nâng đỡ.

Nếu tôi làm được như vậy tôi sẽ là muối, là men, là ngọn đèn được thắp sáng trên ghế. Tôi có thể ảnh hưởng đến lối sống của người khác. Lòng bác ái và yêu thương sẽ làm cho thế giới này vui thú hơn.

Ngược lại, tinh thần chia rẽ, đố kỵ, tị hiềm, tranh giành quyền hành và ảnh hưởng là những nguyên nhân chính cản trở sự thánh thiện. Tôi phải luôn luôn nhớ rằng *"Tôi phải nhỏ bé lại để cho Chúa lớn lên trong tôi"* và tôi phải nhỏ bé lại để cho anh em tôi lớn lên.

Tôi không được thủ thế, kéo bè kéo cánh để xây dựng, bảo vệ địa vị và quyền hành của tôi. Khi có người nhảy ra đòi làm cái này cái khác tôi không được nghi ngờ thiện chí của họ. Những hành vi gây chia rẽ sẽ ảnh hưởng đến người khác. Những sự dèm pha và nói xấu sẽ làm cho cộng đồng bị phân hóa và hoang mang. Khi một người làm việc gì xấu thì cũng gây nên những phản ứng không tốt đẹp nơi các đối phương của họ. Sự bất hòa sẽ leo thang qua những sự trao đổi lời qua tiếng lại. Kết quả là có nhiều người sẽ không nhìn mặt nhau, không ngồi lại với nhau và không lui tới với cộng đồng nữa. Do đó tình trạng thánh thiện của các cá nhân và cộng đồng sẽ bị suy đồi.

Linh mục Chautard đã viết, *"Vì sự thánh thiện chính là đời sống nội tâm đạt được mức độ ở đó ước muốn của chúng ta được kết hợp với Thánh Ý của Chúa. Suốt trong quá trình thánh hóa tâm hồn, hoạt động của Chúa và của linh hồn tỉ lệ nghịch với nhau. Mỗi ngày qua Chúa làm nhiều việc hơn và linh hồn làm việc ít hơn."*

Nếu tôi biết kết hiệp với Chúa và hoàn toàn vâng theo Thánh Ý Chúa trong mỗi nỗ lực hàng ngày, Chúa sẽ làm việc nhiều hơn trong tôi và giúp tôi thánh hóa bản thân.

Lạy Chúa xin giúp con bỏ cái "tôi" của con để luôn luôn nhận biết và vâng theo Thánh Ý Chúa. Xin Chúa tiếp tục hướng dẫn và nâng đỡ con trên quá trình thánh hóa linh hồn con.

Bùi Hữu Thư, USA.

[Sưu tầm của GDHT]

Địa chỉ liên lạc
Giêrônimô Nguyễn Văn Nội
Email: hnoivnguyen@yahoo.ca
Điện thoại: 098 648 0337